

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|-----------------|
| — Những lễ dễ hi vọng | VŨ VĂN HIỀN |
| — Điều tra nhỏ : Việc canh phòng
ở làng Đông-ngạc | V. H. |
| — Tư tưởng xã Hội học hiện đại:
Học phái Địa-dư | A. A. dịch |
| — Nghiên cứu về Nguyễn Du và
truyện Kiều (Tiếp theo) | ĐINH GIA TRINH |
| — Sử liệu : Sử ta so với sử Tàu | NGUYỄN VĂN TỐ |
| — Thanh niên trí thức với dân
quê : Dân quê hoài nghi | NGHIÊM XUÂN YÊM |
| — Những bước đi ngang (truyện
dài) | ĐỖ ĐỨC THU |
| — Khôi thuốc lá (Nguyễn Anh văn
của William Faulkner — Bản dịch
Pháp văn của Pierre Dutray) | NHƯ HÃ dịch |

NĂM THỨ BA: SỐ 68 — NGÀY 3 JUIN 1944

TÒA BÁO: 15 PHỐ HÀNG DA HANOI — Giấy in: 19.43 — GIÁ 0\$20

GIÁ BÁO. — BẮC-KỲ, TRUNG-KỲ, NAM-KỲ, CAO-MIÊN. LÃO. 3 th. 6\$00, 6 th. 11\$00, 12 th. 20\$00

Những lễ để hi vọng

VŨ VĂN HIỀN

Không bao giờ ta thấy rõ ràng hơn cái sức mạnh về vật chất.

Trước kia muốn giữ yên một xứ, người ta cần phải đề từng vạn quân đóng giữ; muốn đàn áp một cuộc hội-hop nghìn người, người ta cần huy-động cả một đội binh, mà khi cả một dân tộc đã đồng lòng phản kháng thì kẻ đứng trên đề-áp-bách chỉ còn cách là giảng hòa hay nhượng bộ.

Ngày nay với sự tiến-bộ của cơ khí, với sức tàn sát của các thứ binh-khí tối tân, một nhóm quân nhỏ có thể giữ chắc hàng vạn người bị giam cầm trong lao ngục; một đoàn phi cơ đủ giết hết hàng nghìn dân biểu tình và, từ Đông cho tới Tây, ta thấy rất nhiều dân tộc có tinh thần đoàn kết rất mạnh, có tổ-chức sẵn sàng, có thừa hy sinh và nhân tài mà cũng đành chịu ép một bề, dưới sự đầy sẻo và canh phòng của một số quân nhỏ của nước chiến-thắng.

Bây giờ ai có, khi-giới nhiều, binh-lực mạnh là được; trong cuộc sinh-tồn, ai cầm sẵn được khẩu súng là sai khiến được kẻ khác. Cái luật-lệ ở trong rừng, vẫn thi hành cho thú' dữ, đã thành luật-lệ cho nhân-loại!

Mà như thế, một phần lớn cũng vì đồng thời với sự tiến-bộ của binh khí nhân loại đã tiến nhanh về sự tâng tợn và độc ác.

Trong thế kỷ 19, khi quân Hồi giáo tiến sang đất Hy-lạp, đi đến đâu chém giết dân sự dèn dấy, thì cả dư-luận Âu-châu đã sôi nổi phản kháng. Nhưng đối với sự giết hại bây giờ thì sự chém giết kia có thấm vào đâu; mà hiện nay đề công kích những cuộc tàn sát diễn ra hàng ngày, ngoài những nước bị nạn mà không có sức để trả thù, nào còn có những ai?

Sự trở ngại về tinh thần, trước kia một đôi khi đã ngăn tay kẻ cầm binh khí, nay không còn nữa.

Đề sai khiến, đàn áp, dọa nạt, người trong tay đã sẵn súng đạn nay không còn ngần ngại trước những lý nhẽ về nhân-đạo và luân-lý mà cũng không còn lo ngại về dư-luận.

Trước sức mạnh của binh khí và sự tàn-nhẫn của người khoẻ, tương lai đối với kẻ yếu bây giờ hình như thành ra mờ mịt.

Nhưng ngay trong lúc còn chiến-tranh này là lúc mọi nước còn chú ý đến cái đích duy-nhất là « thắng trận », ta cũng đã thấy những kẻ đắc thắng cố tìm một lý tưởng để chứng-giải sự dùng vũ-lực của mình, và cố tuyên-truyền cho những người đặt dưới quyền mình công-nhận cái lý-tưởng đó.

Như thế đủ tỏ rằng, dẫu ngoài mặt hung hăng thế nào chăng nữa, thật ra họ vẫn không thể bỏ hẳn mà không đến sửa tội người hiền kẻ n đã bị họ khuất phục.

Như thế đủ tỏ ra rằng họ đã nhận thấy cái sức mạnh vật chất của họ chỉ dùng được tạm thời mà thôi, rồi sau muốn cho cuộc chinh-phục được vĩnh-viễn thì vẫn cần phải có sự tán-thành hay thừa nhận của người bị chinh-phục.

Đứng về phương diện kẻ yếu, thì sự đàn-áp tàn khốc đến đâu cũng chỉ có ảnh-hưởng hữu-hạn. Người ta có thể gột hàng nghìn, hàng vạn người, bắt thiên-cư hàng triệu gia-đình, nhưng không thể làm tiêu diệt được cả một dân-tộc đông đúc, đã từng có một lịch-sử riêng, đã có một linh-thần đoàn thể rõ rệt và đã từng tỏ sức sống của mình bằng những công cuộc bền vững, và kẻ tiếp.

Đối với những dân-tộc ấy những cuộc tàn-sát khủng khiếp chỉ gây thêm lòng căm phẫn và sức phản-động.

Đứng về phương-diện kẻ đắc-thắng mà xét thì sự dùng vũ lực bao giờ cũng gặp nhiều nỗi khó khăn và bất-lợi.

Nếu binh-lực dùng vào việc trị-an ở trong nhiều, thì không những thiệt cho việc chống giữ với ngoài mà nền t~~ai~~-chính và nhân-dân của chính nước chiến thắng cũng phải chịu nhiều sự hy-sinh. Nếu chỉ để ít binh lực để giữ cuộc trị-an thì, không được lòng dân, kẻ chiến-thắng vẫn không được hưởng một cách triệt-đề những sự giúp đỡ của xứ mới chinh phục, nhất là về mặt kinh-tế.

Nói tóm lại, chỉ có sự chinh-phục bằng tinh-thần thì mới lâu bền, còn sự đắc-thắng bằng vũ-lực tự nó bao giờ cũng chỉ có thể là nhất thời và cuộc chiến tranh nào rồi cũng dẫn thẳng đến một cuộc hòa-bình trong đó những lý nh~~ữ~~ về chính-trị sẽ lại chiếm phần ưu-thắng.

Tình thế thế-giới hiện thời cần c~~ứ~~ vào sức mạnh của binh-khí rồi sẽ phải thanh-toán.

Trong những cuộc thanh-toán như thế, một đôi khi kẻ đắc-thắng cũng kể đến công những người bạn đã cùng mình đổ máu để đánh bại quân địch. Nhưng đó không phải là một công-lệ, sau cuộc đại-chiến trước nhiều nước đã bị thất-vọng về chỗ đó.

Chỉ có một điều chắc chắn là về phe bạn hay đứng trung-lập, mỗi nước sẽ được người ta thừa nhận cho một địa-vị sang hay hèn tùy theo cái lực lượng chính-trị, và cái sức phản động của mình giữa lúc thanh-toán.

Tình-thế đặc-biệt của lịch-sử đã ngăn không cho nhiều nước có sức mạnh của binh-khí và chiến-phận là kẻ yếu. Nhưng chỉ có nước nào không tin ở tương lai và không gây nổi cái lực-lượng về tinh-thần, về chính-trị bằng sự đoàn-kết và hy-sinh thì mới lo cơ diệt vong.

VU VĂN HIỀN

VIỆC CANH PHÒNG ở làng Đông-Ngạc

V.-H.

Trong số 55, ở mục « Đời sống Đông Dương » nói về việc tản cư, chúng tôi có nêu lên một vấn đề quan trọng là vấn đề canh phòng ở các làng mà có rất số đông dân tỉnh-thành về trú ngụ để tránh nạn bom. Vấn đề này càng ngày càng thấy quan trọng vì sự khủng bố do phi-cơ Hoa-Mỹ rơi rải đi lan tới nhiều đô thị ở Đông-Dương. Và lại giá mọi thứ cần dùng hàng ngày tăng, lên gấp bội, Cái bọn người phải lo lắng nhiều đến việc giữ cửa (và giữ mình) là những gia đình phải rời thành phố về trú ẩn ở các vùng quê.

Trước tình thế ấy ở Bắc Kỳ, đã có một vài làng lập thêm những cơ quan phòng thủ, có những người tình nguyện sung vào để thêm sức trong công việc gìn giữ sự an chung.

Trong số nơi lân cận Hanoi có những tổ-chức mới về việc canh phòng, một làng được người ta nói đến nhiều nhất và tin rằng rất « yên ổn » là làng Đông Ngạc tên nôm là làng Vẽ thuộc địa hạt 4 huyện Từ-Liem (Kalong). Các bạn cũng như tôi, hẳn muốn biết cách tổ chức canh phòng ở làng này, muốn biết cái danh tiếng yên ổn, kia có hẳn dựa vào những căn bản thực sự chắc chắn.

— Tôi thấy nói ở làng Vẽ, việc canh phòng cần mật lắm, Anh cho gia đình về ẩn ở đó, hẳn biết rõ cách tổ chức của họ ? »

Đó là lời tôi hỏi một ông bạn đã thuê nhà ở làng này từ mấy năm nay.

— Phải thuê từ trước, — ông bạn tôi trả lời — chữ này thì khó lòng mà tin được một gian nhỏ. Tôi cứ nghĩ đến cho gia đình lên ở đây là vì đã thấy nhiều người rời hay cho làng này lắm ; một làng có nhiều quan, nhiều nhà giàu, nhiều

người đi làm việc

. Người ta bảo vì những người cầm đầu là những họ to nên bọn tuồn-phieh-kính sợ, và tận tâm nữa vì bọn chúng được lĩnh lương tháng, do tiền công quỹ và tiền các nhà giàu góp cho.

— Đây toàn là những điều anh nghe thấy. Tôi muốn biết thêm những điều anh trông thấy. Và hình như anh quên mất câu hỏi của tôi là cách tổ chức canh phòng của họ như thế nào ?

— Tôi thú thật là không biết Tôi vẫn ở Hà-noi đây chứ, thỉnh thoảng mới lên thăm nhà. Mà có bao giờ lại nghĩ đến việc viết bài báo như anh đâu. Nhưng có cái này thì chắc chắn đây :

Hễ cứ khuya khuya mà anh vào làng về nhà rất cũng vậy, thì từ xa đã có tiếng hét đón anh : « Ai đấy ! » Rồi chừng một quãng lại có tiếng thét thứ hai, nghĩa là tuần ở đây họ không ngủ li hoặc tụ hội đánh bạc như ở nơi khác đâu. Thà là khá rồi chứ gì ! »

Để yên đấy cái con người vui tính và đầy lòng tin để dành, tôi đến hỏi đó một ông bạn có tính tò mò và chịu nhai xét hơn :

« — Có ! có tổ chức, — nhờ ông bạn — tôi biết họ có ba cơ quan làm việc : bọn tuần phiên canh phòng suốt đêm và đêm nào cũng vậy, bọn vũ-dũng là một hạng trai tráng biết võ khi nào có động dụng mới kéo ra và một cơ quan mới lập, là bảo-an-đoàn gồm bọn thanh niên trong làng li nguyện giúp việc với tại bọn trên.

— Bọn vũ-dũng tôi đã thấy ở nhiều làng khác cũng có trong địa hạt Hà-đông. Hình như lập nên nhờ sáng kiến một vị nam quan đầu tỉnh. . . »

Tôi mới biết rõ rằng về cái cơ quan mới mẽ là *Đoàn an toàn*. Công việc của mỗi nhân viên? trách nhiệm của đoàn? Tổ chức trong đoàn như thế nào, về cái quân, chương trình hoạt động có những gì liên lạc với các bên trên ra làm sao? Tôi cũng muốn biết sự công tác của ba bên cũng làm việc canh phòng: cả cả chữa việc như thế nào? Trong ba bên, bên nào đứng đầu để sai phái 2 bên kia, hay trên cả ba nhóm, còn có một cơ quan khác điều khiển? v. v. ...

Về những câu hỏi ấy, ông bạn tôi giải nhời một cách gọn ghẽ dĩ mật là mời tôi đến tham các kỳ báo: «tất nhiên họ phải am tường công việc làng hơn kẻ ngụ cư!»

Vậy hôm ấy tôi lúi lôm thăm làng Vẽ, một làng lớn nhiều nhà gạch, ngói.
mặt sau là cánh đồng; ở mặt trước: một giầy phở chạy theo ven đê, hàng com, hàng sắn, hiệu may, hiệu cạo, sừng gỗ, bốn nứa; xen vào giữa phố: đình làng, trường học, to, rộng và bề thế và một cái quán dầm dề, bán ghê, tã, hộp thư treo ở cửa và tấm biển nam ngang hàng của kính chớp: «Thanh niên Bảo-an-đoàn». Từ giầy phở đi ngang xuống, như rang bừa là nam ngo rộng dọc theo lối, lát gạch, bãi dầu bằng nam cái công và nam cái cày thân để tận cùng hàng nam cái công nhỏ hơn mở ra, cánh đồng. Đó là nam còn đương chính, chưa làng thanh sau sớm. Nhờ ông bạn ngụ cư giới thiệu, tôi vào chơi một «giải làng», một họa sĩ sau khi tới nghiệp về hưu sống về ngay ở quê nhà. Với về niềm nở thân mật của những bạn trẻ đối với nhau, nhà họa sĩ cho tôi biết những điều đại khái như trên và, về «nhà bảo được biết kỹ hơn» ông đưa tôi sang thăm một cụ kỳ mục, làm thủ quỹ trong ban hội đồng hành chính của làng. Tôi qua được biết thêm ít nhiều chi tiết rành rọt về số tuần phiên, cách làm việc của các viên bảo-an; nhưng thay không thể làm thỏa mãn được cái thói tham vô độ của «con nhà bác» muốn thu lượm cả những cái tí mủ mà chỉ người đương sự mới biết rõ, cụ kỳ mục cùng với họa sĩ lại có nhã ý đưa tôi đến nhà một hùn quan, hiện làm thứ-chỉ ở làng, có giọng nói khiêm tốn của một người lỗi lạc đã từng trải nhiều

nhưng lại lộ cái băng hái của một người thu sống tin ở công việc. Không đợi hỏi, ngay sau câu giới thiệu, cụ mới luôn một hồi rất lâu về ý nghĩa, nguyên do sự thành lập đoàn Bảo-an cùng những nguyên tắc hoạt động của đoàn này.

Làng Vẽ, xưa nay về việc canh phòng, vẫn có tuần phiên do làng cử năm một và một ban tình nguyện là ban vũ-dũng. Tuần thì có tuần làng và tuần sớm. Tuần làng có 7 người, ngày đêm đi tuần ở chung quanh làng và ở đồng, được lương mỗi tháng 4 đồng. Tuần sớm do mỗi sớm cử ra, mỗi sớm 2 hay 3 người, không có lương, đêm một phải đi canh gác. Ban vũ-dũng gồm có 15 người tình nguyện, là những người khỏe mạnh, thường biết võ, được làng cấp khí-giới (giáo, mác...) chỉ khi nào động dụng có báo hiệu thì họ mới kéo ra giúp tuần phiên và theo mệnh lệnh của chức dịch. Họ là bọn đàn em tình nguyện làm việc công trong 5 năm để được hưởng *thứ-vị* sau khoảng thời gian ấy. Họ cũng có trường làng và thường thường họp nhau lại để tập võ-nghệ. Kể cũng ít khi có dịp thử tài và gan của họ. Từ độ lập ra mới có vài lần chữa cháy thì kẻ họ cũng tận lực. Còn cướp thì chưa bao giờ xảy ra. Duy một lần, giữa đêm, vị thị-qi-quan đã có sang kion lập ban vũ-dũng ở các làng trong địa hạt Hà-dông, vi-hành về làng này lên vào đêm, nói tướng ngu-liền báo cướp. Lan đó, cả ban vũ-dũng đều chạy ra căng võ khí-giới, nhanh nhẹn và đông đủ.

Chị em vũ-dũng làm ở Lã-lợi lời tháng chấp này làm ngoài (bởi vì thứ-chỉ, dân tình thành về đây trừ ăn bữa nhiều được khoảng hơn 80 chữ, nhón lên ước chừng 3,4 trăm người. Trong đó, một số đông lại chính là gia-dình họ-hàng người quen thuộc của chúng tôi. Bọn người về trừ ăn có nhiều là bọn có màu mặt, không có nhẽ mình lại chịu để quan cường đạo nó thừa dịp chen cõ mình! Trước là giữ cho mình, sau là giữ cho làng, ngay bọn hương-trưởng phải góp sức lại mà giữ cho an toàn chứ! Xưa nay thì làng vẫn có tuần phiên canh gác, nhưng là dân dân em, thường là nghèo khổ, họ bản không lo tợn cướp bang mình! Nếu không giạt cướp vào làng như ở những nơi ngổ nghịch khác thì họ cũng thường trẻ nai hỏ, bằng nếu mình không kiểm soát nghiêm ngặt. Vì vậy, một mặt hội-dồng hương-chính cho đi *quyền*

lên của các nhà giàu và các chủ trú-ngu được hơn 4 000\$, số tiền ấy dùng để sắm thêm khí giới và trả thêm lương cho tuần tráng. Các tuần sớm nay cũng được lương, cả bọn vũ-dũng vì bấy giờ họ cũng phải đi canh gác đêm; một mặt tôi và cụ Tiên-chỉ (1) cố động ruột lập một đoàn Bảo-an, để đoàn ấy chuyên trông nom công việc bảo-an giúp cho hội-dồng hương-chính. Việc tuyển nhân-viên đoàn Bảo-an tất phải trông vào bọn thanh-niên, không dám nói là tri-lực, vì cả tôi đây cũng không dám mệnh-danh là tri-thức (đó là lời nói khiêm-tốn của cụ Thứ-chỉ), nhưng là bọn thanh-niên còn nhà tử-tế có học, có công-tâm và sẵn chí hăng hái ..

— Thưa cụ, nếu tôi đã được hiệu-ơ thì đoàn Bảo-An làng ta tức thì là một *Uỷ ban của hội đồng hương chính*, hoạt động theo mệnh lệnh..

— ... đặt dưới quyền kiểm sát của Hội-dồng thì đúng hơn. Chúng tôi để cho đoàn được tự trị. Đoàn có hội đồng trị-sự, có đoàn-trưởng, có thư ký, có thủ quỹ, và có ngân sách. Đoàn được tự ý quyết định mọi khoản về sự bảo an cho làng trong các trường hợp trộm cướp, dịch tật, lụt lội, hỏa hoạn. Chỉ có viên đoàn-trưởng là giao thiệp với ban hội-dồng hành chính để trình các việc. Sở dĩ chúng tôi để cho đoàn có quyền như vậy là bởi, — hẳn ngài cũng trông thấy ngay, — việc là việc khó nhọc, mà người nhận làm lại là những người thanh nguyện và làm việc không lấy lương. Người ta ai chẳng có lòng tự ái. Phải kính nể người ta, để người ta vui lòng làm việc công chứ; Cũng vì thế mà chúng tôi còn dành cho bảo-an viên một địa-vị cao quý. Hôm thành lập xong, ban hội-dồng hương-chính mời cả đoàn ra đình trong một phiên công khai và trước mặt mọi người, hội-dồng tuyên bố ủy thác nhiệm vụ canh phòng (trộm cướp, dịch tật, thủy潦, hỏa hoạn) cho đoàn Bảo-An. Chúng tôi có mời cả các vị chủ tịch về chữ g kiến. Hôm đó đoàn bảo an đã được các nhân viên xếp đặt khéo léo lắm. Họ mặc quần áo đồng màu, có mũ và giày theo kiểu riêng do đoàn sắm chung, — về việc sắm những thứ này, họ được dân làng giúp nhiều, người giúp công, người giúp vật liệu. Gồm có 47 người họ xếp thành hàng ngũ mang khí giới, ngực gài một cái dấu hiệu.. »

(1) Ông là một vị thượng-quân về hưu

Đến đây, cụ Thứ-chỉ đứng giậy xin phép vào nhà trong. Một phút sau đi ra và đi a tới xem cái mũ kiểu « cát-két » của Bảo-an-viên viên bằng vải trắng và lưỡi trái bằng vải đen. Cụ móc túi lấy ra một cái dấu hiệu và tự gài vào khuy áo trên vai, cái dấu hiệu bằng vải trắng, cái tròn bằng đồng bạc có chữ nhỏ thêu chỉ đỏ.

— « Hôm đó, tôi cũng đeo dấu hiệu này vì tôi làm phó danh-dự hội-trưởng kia mà ! Những chữ « Đồng Ngạc Bảo-an-đoàn » là do tay tôi viết cho họ đấy.

— Thực là hiểm cớ : một tổ chức thanh-niên được các bậc lão thành cổ động, khuyến khích và nung nấu. Trách nào mà bọn trẻ chẳng nhiệt thành, sẵn sàng hưởng ứng. Cổ điều tôi mong được biết thêm là đoàn Bảo-an sau khi thành lập đã làm được việc gì và chu-ông trình hành động như thế nào ?

— Thực ra họ cũng chưa làm được việc gì to tát lắm. Và lại những dịp to lớn cũng chưa xảy đến ! Đêm đêm họ có cất lượt nhau đi tuần. Trong việc này họ có *quyền cất đặt sai phái kiểm sát bọn tuần tráng và vũ dũng*. Nhờ họ mà bọn tuần tráng có phải làm việc miễn cần hơn. Vả, tuy họ chưa làm được việc gì mà cò nhẽ cũng đừng nên mong đợi ở họ nhiều chuyện to tát quá sức họ, nhưng *Thanh Thế* thì quả có lớn thực; có nhẽ nhờ đó mà làng vẫn được yên ổn và từ hồi có nhiều người về tránh nạn ở đây chưa hề có ai kêu ca mất mát gì cả... Và lại đoàn Bảo An làng chúng tôi mới thành lập được mấy tháng nay. Muốn xét tài và sự tâm tâm của họ, ta phải đợi trong ít lâu. Ấy, cũng nhờ ông Trưởng-đoàn chúng tôi một nhà buôn đứng tuổi, là người sốt sắng và đứng đắn, được mọi người mến và tin cậy nên việc thành lập mới được nhanh chóng như vậy... »

Đã được thỏa mãn về những điều đại-cương, tôi nghĩ muốn biết thêm về sự thực hành tất phải gặp ông Đoàn trưởng. Nhưng chẳng may hôm ấy ông đi vắng, nên tôi đành trả giá hai vị hương trưởng cùng ông ban họa sĩ, sau khi đã thành thực khen ngợi cách hành động khéo léo của nhà sáng lập cái cơ quan mới mẻ này. Và tự hẹn sẽ lên « hỏi dò » một lần nữa.

HỌC PHẢI ĐỊA DƯ

A. A. dịch

1. — Những người tiền khu

Hầu ngay lúc khởi thủy lịch sử của nhân loại, người ta đã biết rằng những tính cách, hành trạng, tổ chức của xã hội, những cuộc tiến hóa và vận mệnh của một xã hội đều phụ thuộc theo khu sở địa dư. Nay muốn viết lịch sử của học phái địa dư thì cái khó không phải là kể những ai đã nói đến ảnh hưởng của địa dư, nhưng lại chính là tìm sao cho được những ai không nói đến. Những văn thư cũ nhất của tư tưởng Đông Phương còn lại, đã có lời đến rồi. Những mề tu xưa về thiên văn địa lý chứng qua cũng biểu thị quan niệm nhân sinh có liên lạc đến tính từ và địa dư. Nhiều câu tự ngữ cũng là dị đoan giờ tốt giờ xấu, ngày xưa đều ngụ quan niệm ấy. Trong tất cả các thứ ấy người ta nhận thấy người xưa đã tin ảnh hưởng của địa dư đối với thân thể, tinh thần của người và những việc xảy ra trong xã hội và lịch sử. Hàng trăm nhà học giả còn ghi tên hiệu và tư tưởng trong lịch sử đã nói đến ảnh hưởng của địa dư, mỗi người theo một lối riêng như những nhà học giả Ấn-độ, Batur, các đạo sĩ và y sĩ ở Ai-cập xưa; những nhà thiên văn học các nước; những nhà tiên tri Do-thái và hầu hết các triết gia, sử gia, văn gia, thi gia có tiếng ở Hi-lạp và La-mã xưa kia cũng là nhiều bậc tu hành đạo Thiên-chúa và các học giả về đời Trung cổ. Về sau này, ảnh hưởng địa dư lại được nhiều người vạch rõ, như Richard Mead, John Arbuthnot, Bernhardus Varenius, Chardin, J. B. Vico Lord Kame, W. Temple, Lenglet du Fresnoy, Turzot, Cuvier, Herder và Montesquieu. Xong thế kỷ 19 và 20 lại biết bao nhà sử học, triết học, xã hội học, kinh tế học, địa dư học, chính trị học, nhân chủng học, sinh vật học, y học cũng đã tham dự việc khảo cứu ảnh hưởng địa dư. Hàng kẻ: Lamarck, Karl Ritter, Arnold Henry

Guyot, Johann Georg Kohl, Alexandre de Humboldt, K. L. Von Baer, Oscar Peschel, H. T. Buckle, F. le Play, H. de Tourville, E. Dénolias, L. Metchnikoff, P. Larov, Mackinder, A. Kirchhoff, F. Ratzel, Ch. Con te, P. Maugeolle A. Mattenzi, E. Perlus, P. Vidal de la Blache, Jean Brunhes, C. Vallaux, E. Huntigton, E. G. Dexter, E. ch. Sempel, Martelli, Lehmann, Shyten H. L. Morré Beveridge' ấy đã mới chỉ một phần rất ít trong biết bao người đã cố công tìm hiểu ảnh hưởng của địa dư đối với hành trạng và tâm lý của người ta và đối với cách tổ chức tiến hóa và vận mệnh lịch sử của đoàn thể. (Xem lịch sử của học phái địa dư trong những sách: Koller A. H. *The Theory of Environment*, The collegiate Press. 1918; Thomas F. *The environmental Basis of Society* 1925; Barnes H. E. *The New history and the Social Studies* ch. ong H. N.Y. 1925; Barth P. *die Philosophie der Geschichte als Soziologie* 1922 tr 544-555 và những chữ thích trong Vallaux C. *La mer* 1908).

Từ ấy người khảo cứu thì phỏng còn một tính cách vật thể tâm lý nào của người ta hay một tổ chức hay hiện trạng nào của xã hội mà không được giải thích bằng nguyên tố địa dư? Sự phân phối dân cư trên mặt đất; vấn đề nhân khẩu trừ mật; những sự dị đồng giữa các chủng tộc; tính cách tổ chức kinh tế chính trị và xã hội; cuộc hưng suy của mọi quốc gia; tư tưởng và tín ngưỡng tôn giáo, trạng thái của gia đình và hôn nhân; sức khoẻ sự đa sản, khiêu thôn minh, tội lỗi từ từ, số người có thiên tài, tính cách văn minh, trình độ văn hoá, cuộc tiến hóa của kinh tế và xã hội, nói tóm lại cái gì trong xã hội cũng đã được người ta gán cho là do ảnh hưởng của địa dư. Lúc mới xem những lý thuyết ấy thì người ta thấy rất hay và rất lạ; nhưng đi sâu vào nữa, thì ta lấy làm bối rối và thất vọng vì thấy

những lý thuyết ấy tương phản mà không chắc chắn gì; rồi thì người ta như bị đắm ở giữa những bề lý thuyết mà không biết được cái gì là chân, cái gì là ngụy nữa. Cho nên bây giờ, trong khu vực này, cái cần không phải là tìm thêm một lý thuyết, đặt thêm một lối giải thích biện tượng xã hội bằng nguyên tố địa dư, những sự cần chỉnh là phải phân tích các lý thuyết đã có rồi và lựa chọn kỹ càng lấy những ý kiến đứng đắn và bỏ vứt đi những tư tưởng trẻ con.

Sự lựa lọc đó là mục đích của chương này. Vì ít chỗ, nên không thể tổng hợp được tất cả vấn đề được. Cho nên, trong sự lựa lọc này tôi sẽ gác ra ngoài tất cả những luận thuyết không đảm, và chỉ chú ý đến những thuyết căn cứ vào thực nghiệm, hợp với khoa-học hơn. Nhưng rồi kết quả của sự lựa lọc này cũng có thể áp dụng chung cho tất cả các lý-thuyết, cả lý-thuyết có tính cách khoa-học, cũng là những giả-thuyết không đảm.

2.) Định nghĩa yếu tố địa-dư

Muốn tránh khỏi sự viển vông trong công việc phân tích của ta, trước hết ta hãy định nghĩa yếu tố địa-dư: ta có thể nói rằng yếu tố địa-dư là tất cả những hiện tượng, giới đất sinh ra ngoài phạm vi hoạt động của loài người không phải do người sinh ra, và nó biến đổi tiến hóa bởi tự nó mà ra, chứ không có liên lạc phụ thuộc vào sự sinh hoạt của người. Hay nói một cách khác, ta có thể bảo rằng: Trong tất cả hoàn cảnh của một người nào hay một xã-hội nào, nếu là bỏ ra ngoài những ảnh hưởng gì do người sinh ra hay do sự hoạt động của người mà biến đổi đi, thì còn lại ta có thể gọi là yếu tố địa-dư. Thời tiết thiên nhiên, thổ địa, núi sông, thảo mộc, cầm thú, biến trạng bốn mùa, và sự thay đổi địa hình, gió bão, động đất, giông nước, lũ v. v., nếu cứ tự nhiên không bị người ảnh hưởng đến, thì đây là những thí dụ yếu tố địa-dư. Còn những hiện tượng mà sinh tồn hay biến cải là phụ thuộc trực tiếp hay gián tiếp của sinh hoạt loài người thì gọi là những yếu tố của một hoàn cảnh khác, hoàn cảnh nhân tạo, chứ không phải Hoàn cảnh địa dư. Như đồng ruộng, vườn trại của người giồng, sông ngòi của người khai, những sự thay đổi địa hình do người gây nên, thời tiết, thổ địa nhân tạo, đại để

những thứ như thế đều không được gọi là yếu tố địa dư.

Nay ta hãy xem những qui lệ liên quan mà người ta đã tìm thấy giữa yếu tố địa dư và hiện tượng xã hội.

3. — Đề-nghị căn-bản về sự quan-liên giữa hiện-tượng xã-hội và yếu-tố địa-dư

Đã đành rằng địa dư thế nào cũng có ảnh hưởng đến tổ chức và tiến hóa của xã hội. Nhưng ảnh hưởng thế nào? Trực tiếp hay gián tiếp? Cường-hành hay không cường hành? Có thể đề nghị được những quy luật nhất định và tổng quát về sự quan liên giữa hiện tượng xã hội và yếu tố địa dư không? Muốn khỏi bị lạc đường trong cái rừng rậm này, ta hãy đặt mấy đề nghị căn bản nó phác họa qua tính chất những ảnh hưởng ấy và nó sẽ hướng đạo ta trong công việc phân tích. Những đề-nghị ấy như sau đây:

1.) Ảnh hưởng của yếu tố địa dư (B) có thể là trực tiếp hay gián tiếp; trực tiếp khi nào nó chỉ phối thẳng một đẳng cấp hiện tượng xã hội (A) theo quy thức: $A = f(B)$; gián tiếp khi nào nó chỉ phối một đẳng cấp hiện tượng xã hội, không lại theo một cách trực tiếp, nhưng mà ở nó chỉ phối những hiện tượng khác (C) hay (D) mà những hiện tượng này lại chỉ phối đẳng cấp (A). Quy thức quan liên sẽ là: $C = f(B)$; $A = f(C)$. Như thế thì nếu A không chịu ảnh hưởng C, thì yếu tố địa dư không có ảnh hưởng gì đến A. Sự quan liên gián tiếp có thể là một giải pháp những quan liên hàm số (relations fonctionnelles): B chỉ phối C, C chỉ phối D; D chỉ phối E, và chỉ có E chỉ phối được A. Lẽ dĩ nhiên giải ấy càng giải bao nhiêu thì sự quan liên giữa A và B lại càng lỏng bấy nhiêu. Ở trường hợp này, yếu tố địa dư vẫn có ảnh hưởng, nhưng có nhiều yếu tố trung gian làm gián đoạn, thay đổi, thành ra sự quan liên giữa A và B rất khó tìm thấy hay có khi không thể giải định được. Đã không thể giải định được bằng một quy thức rõ ràng, thì rút cục thật ra cũng như là không có quan liên vậy. Cho nên trong khi phân tích ảnh hưởng của địa dư ta phải cần phân biệt ảnh hưởng trực tiếp với ảnh hưởng gián tiếp.

Xem nữa trên địa dư và xã hội.
 của yếu - tố địa - dư đối với các thủ hiện tượng xã-hội, không phải đồng loạt trực tiếp và cưỡng-hành. — Có khi sự quan liêu rất chặt chẽ và rõ ràng, có khi không được như thế. Về phương-diện ấy, thì giả-thuyết của J. Brunhes mà căn bản cũng giống như *Danh Liều* của học phái Le Play, theo ý tôi có thể gọi là khá chắc. Ông viết rằng : những thủ hoạt-dộng của người ta và những hiện tượng tương đương của xã-hội thuộc về sự thỏa mãn nhu cầu cốt yếu của người ta như là ăn uống, quần áo, chơ nằm ngồi và một vài thứ nhu cầu khác; thì đối với địa dư có liên lạc mật thiết hơn là những hiện tượng xã-hội khác. Ông bèn kê sáu đẳng cấp hiện-tượng có liên quan với địa-dư mật-thiết hơn những hiện tượng khác ; sáu đẳng cấp ấy là : nhà cửa (rộng hẹp, kiểu nhà, cách làm nhà) ; phương hướng và tính cách đạo lộ ; sự giồng giọt và châu luôi ; khai khoáng và tiêu hủy thảo mộc cầm thú. Ngoài sáu đẳng cấp ấy ra thì dụ như chế-độ gia-đình, tổ-chức chính-trị, tôn-giáo pháp-luật, văn-chương, khoa - học v. v. ... đều có quan - liên với địa-dư thì cũng có rất ít (J. Brunhes *Géographie humaine* chap. I II, so sánh với *Nomenclature* của học-phái Le Play). Giả thuyết ấy đại để có phần chắc chắn.

3) Trong khu vực những hiện-lượng xã-hội mà giấy quăn - liên với địa-dư có thể khảo sát được, thì ít khi sự quan tiền ấy có tính cách cưỡng-bách. Cứ những chỗ ta có thể xét được, thì định luật (déterminisme) về ảnh-hưởng địa - dư hầu hết bao giờ cũng chỉ có một giá trị tương-đối mà thôi. — J. Brunhes tỏ ý kiến ấy như sau đây : « Giữa những hiện - tượng vật - lý (physique) thì thoang có những sự liên lạc nhân quả (rapports de causalité) ; giữa những hiện-tượng nhân-sinh địa-dư (hiện-tượng xã-hội và yếu - tố địa - dư) thì thường thường chỉ có liên-lạc ngẫu nhiên (connexion) mà thôi. Vậy nếu đem cưỡng ghép thống-hệ các hiện-tượng nọ với hiện-tượng kia, thì là trái với khoa-học. Phải cần có óc phê phán minh bạch, để mà nhận thấy rõ ràng nhiều trường-hợp. Trong đó chỉ có một giây liên-lạc tương ngộ nhất thời, chứ không có một giây liên-lạc nhân quả. » (Brunhes J. *Géographie*

Principes de géographie humaine).

Tính cách ngẫu nhiên và tương đối của định luật địa dư (Déterminisme géographique) phát hiện ra bằng nhiều lối : a) Trong nhiều trường hợp, cứ theo địa dư thì đáng lẽ có hay không thì có những hiện tượng này, hiện tượng kia trong xã hội (thí dụ kỹ nghệ khai khoáng hay dân cư tụ tập ở một nơi nhất định) nhưng tuy có khả năng địa dư mà lại tal thực tại những hiện tượng xã hội đã có ở nơi ấy. Thí dụ lấy ở một nơi có nhiều khoáng sản, mà không có kỹ nghệ khai khoáng sản vì thiếu những điều kiện khác. Như vậy, thì rõ ràng không có một định luật địa dư có giá trị tuyệt đối. Luật ấy không cưỡng hành, chủ tương đối mà thôi. Tính cách tương đối ấy lại phát hiện trong những trường hợp trái hẳn : là đáng lẽ cứ theo địa dư thì một hiện tượng xã hội nào đó không thể có được ở một nơi nào đó, thí dụ như là giống cây ở một bãi sa mạc hay một nơi nào rất lạnh tiêu ; ấy thế mà ta phải nhận rằng nhờ cách giao thủy nhập điền mà những sự ấy có thể có được. Cho nên tuy không có khả năng địa dư mà cũng có thể có trong thực tại. Đó là một thí dụ nữa về tính cách ngẫu nhiên của định luật địa dư. Những sự ước định chỉ căn cứ vào địa dư, có nhiều khi không đạt thành được.

b) Tính cách ngẫu nhiên của định luật địa dư lại phát hiện theo một lối khác nữa : trong một khu vực địa dư, có thể có nhiều trạng thái xã hội khác nhau. Yếu tố địa dư có thể dự định được rằng một nơi nào đó có thể ở được hay có thể làm nhà được. Nhưng còn như dân cư nơi đó là một bộ lạc sơ khai hay một xã hội tân tiến, cái nhà làm ra là một cái lều hay một cái tháp, hay một cái lầu đài để làm nơi nghỉ viên hợp, hay là một nhà gác nhiều tầng để làm nơi buôn bán; đó là những sự mà yếu tố địa dư không thể định được. Cái đó do ở những yếu tố khác, hơn là yếu tố địa dư. C. Vallaux ngụ ý ấy khi ông viết : « Ảnh hưởng của địa dư chỉ tiêu cực chứ không tích cực ; nó có thể ngăn trở không cho một hiện tượng xã hội xảy ra, chứ nó không định được cái gì sẽ xảy ra. » (Vallaux C. *le sol et d'Etat* tr. 106 Paris 1911).

(Xem tiếp trang 20)

NHỮNG BƯỚC ĐI NGANG

Mình hăm hực, mà không tìm được lẽ bệnh chồng. Nàng chỉ biết đồ lại làm ăn bận rộn. Những lúc thấy vợ nói đến chồng, lòng nàng thất lại. Lòng người mẹ vợ của chàng rã, dần có bằng lòng oán hận của người thiếu phụ mong chồng.

Mình đã mong khỏi, hồi chàng mới bỏ nhà. Sau những đêm trầu trực, nỗi hui sáng lại mang cho nàng ít hy vọng chồng sẽ trở về. Ngay ấy qua, ngày khác qua. Lại gặp lúc nàng thấy các nỗi khổ chịu của thời ốm nghén, Tâm trí càng thêm bàng hoàng. Các cái khổ chịu lật vạt của một bệnh không đáng quan tâm, có khi lại làm vui cho cái gia đình đang mong có kết quả che tình ái, thì nay, nhân lúc con bệnh đang một mối, buồn phiền, tăng lên thành triệu chứng một trọng bệnh. Mình càng hoảng hốt, nghĩ đến những chuyện sinh tử. Có đêm hàng mơ thấy Khôi đã bỏ mạng trong một vài tai nạn. Ban ngày, trí phán đoán nhận thấy đó là những việc rất có thể xảy ra, lại càng làm nàng sợ hãi.

Nàng nói với Kiên :

« Đây là nhà tôi đã bị chuyện gì không hay rồi. Anh hay xem báo, có thấy đăng tin gì lạ không ? »

Mình tin là những chuyện bất tường, dầm dề, chết đuối, chết xe, đều có đăng trong nhật báo.

Kiên không tin Khôi có thể bị nạn. Chàng cũng hiểu vì quá lo nghĩ mà người đàn bà dầm nghĩ quẩn. Chàng trả lời, giọng rất lè lè thỉ, có gây can đảm cho mình.

« Chị cứ nghĩ trăm thế làm gì ? Tôi chắc không bao giờ có chuyện gì xảy đến cho anh Khôi được. »

Mình vẫn không được vững tâm :

« Biết dân đây anh. Tai nạn bất thường thì không may người nào mà chẳng bị được. »

« Đã đánh thế, nhưng cái số không may thì hiểm lắm. Vì ngu ngốc, dầm dề cả. Anh Khôi dân có phải hạng người di không vững, nhìn không tinh mà dễ đến nỗi bị chết đuối, chết xe ? Câu chuyện sông nước, dò giang, thì chị không biết rằng anh ấy bơi giỏi lắm à ? Đem dìm ngay anh Khôi xuống nước cũng không chết đuối. »

Một nụ cười ngạo nhát hay qua môi người thiếu phụ
« Thế thì sao lại không có tin tức gì ? »

Kiên lặng im.

Chàng đã hứa, tìm Khôi cho mình. Trong một lúc tự tin, chàng chắc chắn là sẽ tìm ra. Những nơi quen biết thì không cho chàng một tin tức gì. Hà nội thành rộng mênh mông. Cách vài ngày chàng lại về thăm Minh. Mỗi lần thấy chàng vào cổng, về một người thiếu phụ lại thêm hy vọng :

« Thế nào, anh ? »

Kiên ngượng nghịu, vì không mang được tin hay

« Tôi chưa được tin gì. Đã lâu nay, các người quen không ai gặp anh ấy cả. »

Mình thờ dãi. Kiên cảm thấy nổi bực tức của sự bất lực, có lúc muốn gắt với nàng : « Ấy cũng là tại chị. Nếu chị không bép xép thì đâu anh ấy có đi ? » Trước vẻ mặt đau đớn, thất vọng, chàng giữ lại câu muốn nói. Và lại, một phần lỗi ở chàng. Chàng cũng bép xép như đàn bà.

Sau cùng, Kiên đành chịu không tìm được Khôi. Tình thế ấy không tiện kéo dài, chàng khuyên Minh nên về nhà với mẹ :

« Chị hãy tạm về ở với mẹ. Để xem sao rồi sẽ hay. »

« Thế anh chịu không tìm thấy nhà tôi à ? »

« Đâu có phải là chịu ? Những chỗ quen thuộc quanh đây, thì tôi đã hỏi cả rồi. Bây giờ phải kiếm xa hơn có lẽ lâu, mất thì giờ. Mà chị ở mãi đây một mình không tiện, vậy chị hãy tạm về nhà ít lâu. Tôi hứa sẽ tìm thấy anh Khôi, và sẽ có tin chị biết. »

Cũng không còn cách gì hơn. Mình đã biết cảnh bất tiện ở đây, trong lúc túng bấn, thai nghén. Mỗi ngày lại tăng thêm nỗi lo nghĩ. Về nhà còn có người thân yêu bên cạnh, lại đỡ phải nghĩ đến chuyện ăn uống, tiền pha. Nhưng cũng còn điều không ổn. Im lặng một lát, nàng nói to một ý nghĩ :

(Xem tiếp trang 20)

NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU

ĐINH GIA TRINH

(Tiếp theo)

c. — *Cảm xúc của Kiều.* — Kiều là một người đa cảm, nhưng năng lực cảm xúc quá độ của nàng có tính cách tột bệnh. Lúc nào cũng thấy nàng khóc và có lúc khóc vô lý. Thấy mà Đạm-Tiên, nghe Vương Quan kể lại cái đời dở dang của người ca kỹ ấy, mà cũng « *đăm đăm chầu sa* » tâm thần mê mẩn, « *sầu luôn đứt nối* » thì thực là quá đáng, và câu của Thúy-Vân trách « *khéo dư nước mắt khóc người đời xưa* », sẽ không nghiêm khắc chút nào nếu nó không có đáng điệu của một tư tưởng khái quát. Từ cái cảm xúc đầm nước mắt ấy đến cái cảm xúc của Jean Jacques Rousseau khóc hoa pervenche và những cô gái khóc hoa lê rụng trong Từ Trầm A tưởng cũng không xa mấy. Đêm khuya mộng thấy Đạm-Tiên. Tỉnh giấc cũng khóc và rên rĩ. Rồi sau lúc bán mình, trông đời giã từ trần, nước mắt Kiều chảy lại òn nhiều.

Người cảm xúc quá độ thường hay sầu muộn. Kiều tìm thấy cơ sầu bi rất dễ dàng. Trong nỗi bạc mệnh của nàng thì sầu muộn đã thừa, nhưng trước khi khổ sở nàng đã có hường về buồn rồi: sầu muộn trước mà một người không quen, sầu muộn vì nghĩ vẩn vơ đến số mệnh tương lai của nàng.

Sầu bi rồi sinh ra sợ hãi, luôn luôn trông thấy những tai họa có thể xảy ra trong đời mình, không lúc nào được vui, vì ở trên phần rủi ro, nàng nghĩ đến những bất trắc của những ngày sắp tới, (Đang vui tình yêu chung Kim Trọng, nàng nghĩ đến lời người tướng sĩ đoán nàng sẽ bạc mệnh. Người sầu bi, tinh thần yếu, nên hay mê tin). Ở trong mộng nàng nghĩ đến tan mộng

Bây giờ tỏ mặt đôi ta

Biết dần rồi nên chẳng là chiêm bao

Tóm lại Kiều đa cảm, đa sầu và tinh thần không lúc nào bình tĩnh luôn luôn sợ sệt e dè, đắm trong những hoang hốt của mộng mị. Một người

như thế không thể có một lý trí sáng suốt mình mãi và một ý chí làm việc cho lý trí ấy. Kiều nghe một người tướng-sĩ đoán nàng sẽ bạc mệnh, Kiều thăm mộ một người đàn bà bạc mệnh lại lo sợ hơn, e phận mình cũng như phận người đã khuất. Về nhà nằm ngủ chiêm bao thấy Đạm-Tiên về bảo rằng nàng cùng Đạm là người « *một hội một thuyền* », thì sự hốt hoảng lại tăng, rồi sự sợ hãi ấy biến thành một ý tưởng cố định (*idée fixe*), một ám ảnh (*obsession*). Lúc nào Kiều cũng cảm thấy như thần bạc-mệnh sắp tới hành hạ nàng. Sẵn một tai họa gia đình, nàng cho là giờ của nàng đã đến và thần bạc-mệnh đã đứng trước nàng rồi. Nàng buông mình theo con đường bạc-mệnh, tin rằng đó là mọi điều khổ ải cưỡng lại được. Về điểm này, tác giả N. D. V. T. K. đã viết những trang tri xảo và có giá trị (tr. 254 và tiếp). Tuy Nguyễn-Du có nhắc Kiều cần nhắc suy nghĩ.

Duyên hội ngộ đức cù lao,

Chữ tình, chữ hiếu, bên nào nặng hơn

Và cho nàng quyết định :

Làm con trước phải đền ơn sinh thành

nhưng thực ra Kiều báo mình không phải suy tính kỹ lưỡng. Lúc già biến nàng không nghĩ gì đến cách giải nguy cho nhà khắc với cháu bán mình. Nàng không hề nghĩ đến sự cầu cứu ở nhà Liêu-Dương, không hề nghĩ đến một cách thứ hai để mình oan cho cha, hoặc để thu góp tiền bạc dứt cho tại quan tham, lại những lý lẽ của nàng không làm việc. Tình và hiếu không tranh đấu thực trong linh-hồn nàng như nó tranh đấu trong đầu các nhân vật kịch của Corneille và câu « *Làm con trước phải đền ơn sinh thành* » không phải là sự đắc thắng của lý-trí Ông Đào-duy-Anh có viết: « *Nàng đau thương Kim Trọng, nhưng là con gái nhà nho, đã chịu giáo dục ở trong khuôn phép luân thường, nàng chỉ*

kiểu là trọng hơn tình, cho nên chỉ do dự trong nháy mắt, Wang quyết « gác lời thề hải minh sơn », để « đền ơn sinh thành » cho trọn đạo con hiếu » (Khảo luận về Kim-vân-Kiều, tr. 95). Đọc lời ấy ta thấy Kiêu là một người con gái « thông minh, xử sự bao giờ cũng sáng suốt và hợp lẽ ». Nhưng quan điểm cổ điển ấy giản tiện và thiếu sâu sắc, Kiêu xử sự mà quảng chứ không sáng suốt. Kiêu không theo đường của lý trí vạch cho, mà theo đường do tình cảm hoang mang xô đẩy vào. Nàng lục mào cũng ngom ngóp sợ một lúc kia nàng sẽ phải khổ sở lạc loài, nên con gia biến xảy ra, cái ám ảnh bạc-mệnh xô nàng vào con đường bạc mệnh, nó không phải là con đường độc nhất có thể lối cha nàng ra khỏi tai họa. Mặc dù chẳng có sự thấu của lý trí chẳng nữa, thì sự quyết định mau chóng mà ông Đào Duy Anh gán cho Kiêu cũng không hợp với tâm lý phụ nữ, và riêng không hợp với tâm lý đa tình yếu đuối của Kiêu.

Hành vi của Kiêu bị tình cảm và bản năng chi phối. Có lẽ ở truyện Kiêu, Nguyễn Du muốn ta hiểu Kiêu là một người con gái hiếu và triền, xử sự theo lẽ phải, có đầu óc, nhưng khi xét tâm lý của Kiêu, ta không cần quan tâm đến cái ý muốn đó, ta chỉ suy diễn do tình tình, ý nghĩ, hành động của Kiêu trong cuốn tiểu thuyết. Đó là ý kiến trong câu này của ông Nguyễn Bách Khoa : « Điều khám phá mà nhiều người cho là bất ngờ này mới đúng sự thực. Khác phải sự thực ở truyện Kiêu mà là sự thực ở nàng Kiêu » (N. D. V. T. K. tr. 260).

(d) *Cội rễ sinh lý của cảm xúc ấy.*— Ta cần phải bàn luận qua về giá trị của sự nhận xét trong câu văn vừa kể trên. Tác giả cuốn N. D. V. T. K. bảo rằng điều khám phá đó không phải là sự thực ở truyện Kiêu. Nói đúng ra thì nó cũng là sự thực ở truyện Kiêu, nhưng là sự thực sâu kín, sự thực phát minh bởi phân giải tình vi tế của người ta, căn cứ vào những luật biến hóa tâm lý, chứ không phải sự thực bề mặt do các lời lẽ giả trá kết thành. Cũng do những việc, những lời ở trong truyện Kiêu mà ta khám phá ra chân lý ấy. Tác giả bảo điều khám phá đó là « sự thực ở nàng Kiêu ». Ý nghĩ ấy rất xác thực, nếu « sự thực ở nàng Kiêu » chỉ có nghĩa là sự thực sự diễn ra do

những hành động, ý nghĩ của Kiêu, theo, đúng luật hoạt động của tâm hồn. Nhưng ông Nguyễn Bách Khoa lại muốn coi Kiêu là một người thực ở tất cả mọi phương diện, và ông lại muốn tìm một nguyên nhân tất bệnh cho cái căn sức không thường của Kiêu, và ông là bệnh của của người con gái xấu số ấy tựa một người thầy thuốc lành nghề vậy. Người thầy thuốc về tâm bệnh ấy có sành không, hay là còn xung, vấn đề đó ta không bàn tới, ta chỉ cần hỏi rằng sự xét bệnh ấy có chính đáng không.

Có những tâm trạng khác thường, như những tâm trạng sâu muộn ử rữ, sự hui, kinh khiếp, nếu nó liên tiếp luôn luôn, người ta thường quy cố về nó vào những bệnh của thần kinh hệ, những rối loạn của cơ thể. Khoa tâm bệnh học đã tiến được những bước đáng kể ở thế kỷ này. Có những nhà bác học đã tìm thấy căn bệnh tâm thần của Rousseau, của Baudelaire, và những học giả đã tìm thấy ở gốc sự sáng tạo nhiều tác phẩm trong nghệ thuật lãng mạn, một sự hoạt động của tâm linh có tính cách tất bệnh. Không kể một vài quan điểm quá đáng và thiển lệch, và không quên, đánh chỗ, cho thiên tại, ta phải công nhận rằng những nhận xét khoa học ấy nhiều khi rất xác đáng. Sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa cơ thể và tinh thần là một chân lý hiển nhiên, mà văn chương và nghệ thuật phản chiếu tinh thần của ta thật cũng dễ cho kẻ phân sâu thấy bóng những hoạt động của cơ thể. Những nhà văn học, trừ những « cao thủ » biệt, không cần xét đến mối liên lạc giữa cơ thể và tâm thần ấy, vì hai lẽ. Lẽ thứ nhất là vì sự khảo xét ấy cần đến một kiến thức y học và tâm lý học sâu sắc và một quan sát thận trọng và khổ khăn vô cùng. Khó nữa là định biên giới của khỏe mạnh và ốm yếu. Khi nào một trạng thái tinh thần có thể coi là ốm yếu, khi nào có thể coi là lành mạnh? Ốm và khỏe chỉ là những quan niệm rất tương đối. Lẽ thứ hai là vì sự khảo xét ấy thường không cần thiết lắm cho sự phê bình văn chương. Người ta đã chả háo trong thiên tài nào cũng có « một hạt nhỏ điên rồ » đó háy sao? Dù chữ điên rồ chỉ có một ý nghĩa văn chương, để chỉ sự phóng túng ra ngoài mực thường mặc lòng, những chỉ tốt tí mĩ về bệnh của các nhà văn (nếu một vài nhà văn có bệnh), chỉ đáng với chú ý của nhà lý sĩ học của nhà tâm lý học mà thôi.

Nhà phê bình văn chương, nếu cần, chỉ phải nhận xét những phát biểu đại cương của bệnh ấy, những phát biểu nào có ích cho sự giảng giải một vài tâm trạng, một vài tình cách của văn phẩm. Vì vậy khi ta thấy ông Nguyễn-bách-Khoa viết rằng Nguyễn-Du là một con bệnh thần-kinh, và « *bệnh của ông thuộc về thể bệnh không có sự tổn thương về khí quan* (!) », thì ta không khỏi mỉm cười về sự táo bạo thực thà của một nhà phê-bình muốn làm hơn cả y sĩ. Mà sự xét bệnh ấy dù ta cho nó là chính đáng chăng nữa, cũng chỉ có thể quan niệm được với một nhà văn, chứ không thể quan niệm được với một nhân vật văn chương. Xét bệnh tí mỉ một nhân vật văn chương, nói đến những chứng đau gan, đau tim chẳng hạn, thì thực sự cười. Mà sự cười ấy lại thêm vô ý thức nữa khi những đau ốm được tả rõ trong các phát biểu sinh lý của nó, lại là do tác giả suy ra, tưởng tượng ra, dựa cứ vào những trạng thái tâm thần của nhân vật ấy.

Thứ yem theo tác giả cuốn N. D. V. T. K., bệnh của Thúy-Kiều ra sao : Thúy-Kiều sinh ở một nhà phong lưu, quen nhân rồi, không hoạt động, thể tất phải có « một thân hình gầy yếu, một phủ tạng ốm o ». Quen ăn ngon mặc đẹp, sinh khí trong người bị bế tắc, « tác động trong nội bộ cơ thể và thần-kinh, làm ra tính ưa mơ mộng, thích tưởng tượng, thêm những cảm giác lạ và nhất là tính dâm dục ». Kiều lại luyện tập âm nhạc, thú nghệ thuật đã « vun sới cho đâm hoa nảy trái căn tính dâm dục và sâu não của Kiều », làm « ốm thêm một bộ thần kinh đang ốm ». Kiều buồn não, lo sợ, hoảng hốt, dễ khóc, dâm dục, trảng tráo »... Những triệu chứng ấy « là những hình thức phát hiện của một thứ bệnh mà y học tây phương gọi là bệnh ủy hoàng (chicrose) » (Tác giả chưa rõ bệnh ấy làm cho mắt có nước, chân tay và mặt xanh vàng, cơ quan sinh dục luôn luôn nao động, cơ quan tiêu hóa chậm hoạt động v. v ; ...)

Bệnh ủy hoàng sinh ra chứng ưu uất (hystérie), nó khiến người vui buồn quá độ, « luôn luôn bị những cảnh ái ân ám ảnh và luôn luôn hưng tình, chỉ khao khát những vỗ về của người đàn ông » (trang 241). Bệnh ủy hoàng và ưu uất của Kiều nguyên nhân « một phần ở phủ tạng suy nhược của nàng (di truyền và hoàn cảnh nhân hạ) không đủ sức chịu đựng sự nảy nở mãnh liệt của cơ

quan sinh dục, một phần cũng là ở cái đe dọa của luân lý như giáo dục với sức phát tiết của tính dâm dục ở nàng » (tr. 242).

Đồ, cái bệnh trạng của Kiều, tả bằng những màu sắc sôm sôm ! Nhưng độc giả không bị cái mờ danh từ y học và khoa học đó làm chói lóa. Độc giả thấy những tu tưởng ấy lạc chốn sai nơi và vô duyên vô lý một cách lạ. Một ragon bút phũ phàng làm chết những màu sắc ta nhìn bởi đó độc giả tưởng tượng Kiều. Tác giả bắt độc giả luôn luôn nghĩ tới sự hoạt động kỳ quái của, não cơ quan sinh dục, não bản năng sinh dục.

Đừng bảo chữa nói rằng khoa học không biết tới sự phân biệt thanh, phẩm, đẹp, xấu, vì đây không phải là nơi biểu diễn kiến thức khoa học. Một vài nhà phê bình Pháp xét tâm lý một vài nhân vật văn chương, có khi dùng những chữ « pathologique », « morbide » thực. Nhưng không ai kể bệnh một nhân vật tiểu thuyết cả (cố nhiên trừ trường hợp tác giả cuốn tiểu-thuyết tả nhân vật ấy có bệnh. Nhưng nếu thế thì sự kể bệnh của nhà khảo cứu là thừa). Có khi muốn nói có duyên, đề trào phúng nhân một tính khí của nhân vật, nhà văn đùa lộn : « Anh ta (nhân vật tiểu thuyết) đau dạ dày », hoặc : « chị ta đau tim chắc », Nhưng chưa mấy ai bàn bặt trình trọng và nghiêm trang như tác giả cuốn N. D. V. T. K., hình dung trong tuồng tượng bệnh trạng của cô thiếp nữ học mệnh trong tác phẩm của Nguyễn-Du. Nhà phê bình Emile Faguet, bàn về cái ái tình tội lỗi, sôi nổi và tàn ác quá của Phèdre trong một vở kịch của Racine, có viết rằng tình ấy có tính cách tự bệnh, nhưng không nói gì hơn nữa. Thấy Phèdre bốc lốc luôn, và máu nóng như rạo rục (chính Phèdre thú như thế), cổ bình giả đi xa hơn, cho ái-tình của nàng có cội rễ sinh lý, nhưng cũng chỉ nói danh từ ấy mà thôi, không kê đơn chỉ thuốc gì thêm. Như ta đã tỏ ở trên, không được rubi, sâu sự lương dòng của một nhân vật tuồng tượng với một người thực ra ngoài địa hạt tâm lý. Mà dù có được phép dùng sự tương đồng ấy vào cái địa hạt sinh lý, lý luận của ông Nguyễn-bách-Khoa cũng không dùng vững được, vì y học không phải là một khoa học thuần lý, mà là một khoa học thực-nghiệm. Nguyễn-Quán đã suy diễn ra bệnh của Kiều, chứ không thực-

nghiệm bất-kh của Kiều, vì thực nghiệm sao được trên một con người tưởng tượng? Chưa thể theo lối suy diễn thì nguy-hiểm lắm! Có người cãi lại bảo Kiều ngày xưa là một người con gái có thực, vậy Kiều có thể mắc cái bệnh mà ông N. B. K. đã tả. Nhưng ta hỏi lịch sử kê rõ bệnh trạng ấy ở đâu? Mà dù lịch sử có nói đến bệnh trạng ấy thì Kiều trong truyện Kiều của Nguyễn-Du và Kiều ở Thanh tâm tài nhân, hoặc ở đời thực trong xã hội Trung hoa xưa, có phải là một đau. Nghệ thuật cướp của đời thực những kiểu mẫu để biến hóa làm của riêng. Ta không xét tâm tình của một nàng Kiều vợ vưu nào, mà xét tâm tình của nàng Kiều trong tác phẩm của Nguyễn-Du.

Ông Nguyễn bách Khoa hoặc muốn hay không muốn, đã ra công gắng sức để gây cho người đọc ông những cảm giác tục tĩu vô ích. Trĩ xảo và công tao của ông đã làm việc trong không tưởng « *Nếu nàng chỉ theo tiếng gọi của cơ quan sinh dục mà hành động thì có lẽ bệnh thủy hoàng kia cũng nhẹ được đi nhiều (1)* ». Thử nhà phê bình văn chương còn cần phải qua một tình-tội-giới mới mong học thấu nghề mình vậy.

e) *Kế án tâm lý và hành trạng của Kiều.* — Đọc hết quyển N. D. V. T. K. người ta có thể biết rõ được nhân sinh quan của tác - giả nó. (Một chứng cớ nữa tỏ rằng chủ quan bị đuổi đi cứ trả hình lên hoá vào tác phẩm). Tác giả đã đề lộ rõ những yêu thích của tác giả và đã mặt sát hơn một lần những hành động của Kiều.

Đầu tiên mặt sát gián tiếp Kiều qua Vương ông và cái giáo dục này đã hưởng thụ. Ông Nguyễn bách Khoa trách Vương ông đã đóng tống Kiều « *cho nề mau những cầm kỳ, thi, họa* ». Vì thơ nên mới đề ra cái chương bạc mệnh « *ai dám sâu oán* » kia. Vì đàn nên cần tính dâm dăng mới được vua tống này nọ.

Con người bị giáo dục như thế sinh ra ủy mị, hèn nhát : tống với Sở Khanh, sợ đòn Tú Bà mà phải cam đoan từ sau chùa trình bạch, ăn cắp chuông khánh của Hoạn-Thư ; báo oán ; gầy đàn đuổi trư ông Hồ-tôn-Hiến, v. v. . . Con người đã sống như nhuốc với bao nhiêu kẻ, lúc tái ngộ Kim Trọng, còn nói : « *chữ trình còn một chữ này* » thì thực tở trên (Ông Nguyễn bách Khoa bảo như thế thì « *mỗi mai quá lắm, tội hiêm si quá lắm* »).

Bấy nhiêu điều chê trách Kiều đề lộ cho ta biết những yêu ghét của tác giả : tác giả ghét những nghệ thuật không có ích lợi thực tiễn nhơn tiên ; tác giả chê lối sống đài các. . . . Hãy lắng tai nghe trong câu này, tiếng vang của những ý kiến xã hội thân yêu của ông : « *... cái ủy mị của những kẻ chỉ sống bằng tình cảm đài các, thiếu tình thần hoạt động và sức phấn đấu nhĩn nại của người nhà quê luôn luôn phải đương đầu với các tai biến thiên nhiên bất ngờ và tàn bạo. . . .* » Cái truyện người nhà quê nhĩn nại ở đây thật sai cũng lỗi nhip. Chính trị là chính trị, và sao nó lại cứ lạc loài mãi vào những nơi không phải của nó ?

Những yêu ghét của tác giả lại còn biểu lộ một cách rất tự mãn nữa. Tác giả không e dè bênh vực những ý tưởng cũ rích và sai lầm, khi chúng có ích cho sự luy báng. Kết tội cầm kỳ, thi, họa, và dẫn câu thơ cổ hủ. « *gia trướng hieu cầm, nữ tử tất đàm* », để bảo âm nhạc hại thì tư tưởng của tác giả cũng trái thời và mờ ám lắm vậy! Còn như ghét ủy mị thì cũng có lý, nhưng cố mà ra hèn nhát trong tất cả các hành động của Kiều thì sao khỏi thiên tư. Kiều xin chùa trình bạch là bởi sự thôi thúc của một áp bức mạnh hơn nàng ở một xã hội mà tư nhĩn không được cho chờ một cách đầy đủ và có hiệu lực. Lời nói của nàng mãi mãi chưa chát hơn là hèn nhát, Ta đừng nên đòi nhiều quá ở một người đàn bà! Còn như việc Kiều ăn cắp chuông vàng khánh bạc ở nhà Hoạn-Thư, nó chỉ là một cơ chỉ rối loạn mà Kiều không nhận rõ tính cách tội lỗi. Kiều là một người đàn bà bị lãnh hạ, đang tìm kế thoát ly. Trong lúc hoang mang đau khổ, nàng trốn đi, và mang theo mấy cái chuông khánh của người để độ thân. vì tiền nong nàng không có. Nàng không suy nghĩ, không tính toán. Lúc ấy nàng hành động như một sức mê mội, và lý trí không nói cho nàng nghe những mệnh lệnh luân lý của xã hội người. Cái đầu óc của Kiều to hơn hết cả và nó chỉ phối hành động của nàng một cách chuyên chế và bao ngược. Lấy chuông khánh, đó là Kiều đòi quyền sống dưới nanh vuốt áp bức của thần đau khổ. *Cử chỉ của Kiều vì lẽ đó không có mâu luân lý, nó không hợp luân lý mà cũng không phản luân lý (acte amoral).* Kiều là một người hạnh vị theo xung động (*nature impulsive*), khi xét hành vi của nàng ta không nên quên điều đó.

SƯ TA SO VỚI SƯ TÀU

Ưng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ

I. Tên hiệu nước ta (Tiếp theo)

8. *Kiều-nam*. — 9. *Giao-châu*. — 10. *Vạn-xuân*. — 11. *An-nam*, *Trần-nam*.

Người Tàu gọi phía nam nước Tàu và nước ta bây giờ là Lĩnh-nam. Lĩnh-nam là đất Nam-Việt của Triệu-Đà. Ta nhận nhầm Nam-Việt của Triệu-Đà là cả nước ta, nên cho chữ Lĩnh-nam là tên nước ta (*Đại-Việt sử-ký*, tiền-biên, quyển 1, tờ 14a). Xem như quyển chuyện trích-quái của ta, là chuyện Bắc-kỳ và Trung-kỳ, không có chuyện gì ở lưỡng Quảng, thế mà đặt là *Lĩnh-nam trích-quái*. Nhưng đến quyển *Lĩnh-nam đặt-sử* của Tàu, thì cho chữ Lĩnh-nam là phía nam nước Tàu, tức là phía nam Ngũ-lĩnh. Nếu người Tàu có khi viết là *Kiều-nam*. Trong truyện *Mã-Viên* chép ở *Hậu-Hán thư* (q. 24, tờ 2 b) có chữ *Kiều-nam*, dưới chữ *Kiều* chứa một câu rằng: « tức là Lĩnh ».

Nhưng mấy chữ ấy thỉnh-thoảng mới dùng, không thông-thường như chữ *Giao-chỉ* và *Giao-châu*.

Bộ *Khâm-định Việt-sử* (tiền-biên, quyển 2, tờ 17 b-48 a) dẫn một đoạn *Tấn-chi* như sau đây:

Sự báo ân, báo oán, chỉ là cử chỉ của một người đàn bà sống toàn bằng tình cảm, đã đau khổ nhiều và không là một vị thánh. Người ta còn trách *Kiều* sao lại gây oán dưới trướng Hồ-tôn Hiến, sao lại *sử* xù tùy thời luôn luôn mà không có cạp đảm kháng cự mạnh mẽ lại hoàn cảnh. Người ta đòi *Kiều* là một người đàn bà La Mã hoặc một trong những người đàn bà tiết liệt của Đông-Thương. Nhưng đây đâu phải lúc sửa chữa lại tâm hồn của ai, và nhà khảo xét và phê bình văn chương không khoát áo nhà đạo đức.

HẾT.

ĐINH GIÀ TRỊNH

« Trong đời Hán Thuận-đế (vào năm 136 sau T.-C.) thái-thủ Giao chỉ là Clu-Xuồng xin đặt *Giao* chỉ làm *Giao-châu*. Triều-đình nhà Hán bàn luận, rồi không cho, phong *Chư-Xuồng* làm thứ-sử *Giao-chỉ*. Đến năm thứ tám hiệu Kiến-an (203 sau T.-C.) đời Hán Hiến-đế, thứ-sử *Giao-chỉ* là Trương-Tân, thái-thủ là Sĩ-Nhiếp, cùng dâng biểu xin đặt làm châu, bấy giờ nhà Hán mới đặt *Giao-chỉ* làm châu *Giao*, cho Trương-Tân làm quan mục châu *Giao*. Ấy hai chữ *Giao-châu* thực có từ bấy giờ. Cựu-sử nói năm Kiến vũ thứ nam (29 sau T.-C.) đã chép « chức mục châu *Giao* là Đặng-Nhuộng... » năm Vĩnh-hóa thứ hai (137 sau T.-C.) lại chép « Trương-Kiều làm thứ-sử châu *Giao* » thế là cựu-sử chưa xét kỹ đây cái chính... Trước khi ấy (tức là trước năm 203 sau T.-C.) chỉ gọi là « *Giao-chỉ* mục », « *Giao-chỉ* thứ-sử » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 2, tờ 17 b, mục căn-án), chưa có « *Giao-châu* mục ».

Sử ta có bộ *Khâm-định Việt-sử* chép như thế, còn *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* và *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* không thấy chép đến. Sử tàu, thì có quyển *Việt-kiều thư* (bản sao của Trương Lạc-cổ, số sách 1731, q. 3, tờ 12 b) và quyển *Nguyên-hóa quận-huyện chí* (sách in, q. 38, tờ 2 a-b) chép: « Năm thứ 8 hiệu Kiến-an (203 sau T.-C.) đời Hán Hiến-đế, người Nam-dương là Trương-Tân làm thứ-sử *Giao-chỉ*, Sĩ-Nhiếp làm thái-thủ *Giao-chỉ*, cùng dâng biểu xin đặt làm *Châu-Giao* và đặt chức mục cai-trị. Nhà Hán bèn cho Trương-Tân lĩnh chức mục *Châu-Giao*. ... Từ bấy giờ mới gọi là *Giao-châu* ».

Hồi ấy lên Tàu chia nước làm 12 châu (Đục, Ký, Duyện, Từ, Thanh, Kinh, Dương, Ích, Lương, Tinh, U, *Giao*); châu *Giao* cũng là một châu trong 12 châu ấy. Thế là bắt đầu dùng chữ « *Giao-châu* » từ năm 203 sau T.-C.

Mùa đông năm binh-ngọ (226 sau T.-C.), nhà Ngô bên Tàu chia châu Giao, đặt châu Quảng, cho Lã-Dại làm thứ-sử châu Quảng, và Đái-Lương làm thứ-sử châu Giao. Lã-Dại bỏ châu Quảng, lại làm châu Giao như cũ. *Khâm-định Việt-sử*, q. 3 tờ 3 a). *Bộ Đại-Việt sử-ký* (toàn-tho, ngoại-kỷ, q. 4, tờ 1 a, và tiền-biên, q. 4, tờ 3 a) chép việc ấy vào năm đinh-mùi (227) như thế này: « Chúa Ngô là Tôn-Quyền nghe Sĩ-Nhiếp mật, cho châu Giao cách xa, chia từ Hợp-phố về phía bắc là Châu Quảng, Lã-Dại làm thứ-sử; Hợp-phố về phía nam là châu Giao, Đái-Lương làm thứ-sử ».

Xem đến Sử Tàu như quyển *Nhị thập tứ sử*: *Ngô-chi* (q. 2, tờ 8 a) và quyển *Quảng-Châu phủ-chi* (q. 6, tờ 3 a), thì thấy chép việc ấy vào năm Hoàng-vũ thứ 5 nhà Ngô (226 sau T.-C.). Thế là *Sử-ký toàn-tho* và *Sử-ký tiền-biên* của ta chép không rõ, nên theo *Khâm-định Việt-sử* mới đúng.

Tháng 7 năm giáp-thai (264), hiệu Nguyên-hung, thứ nhất đời Ngô-tôn-Hạo (tức là năm thứ nhất hiệu Hàm-Hi nhà Ngụy) vua Ngô bên Tàu lại chia đặt châu-Giao, đặt châu Quảng. Năm ấy vua Ngô cắt ba quận Nam-hải, Thương-ngô, Uất-lâm, đặt châu Quảng, châu-trị ở Phiên-ngung; quận Giao-chỉ, Cửu-chân, Nhật-nam, Hợp-phố làm châu Giao, châu-trị ở Long-biên (*Khâm-định Việt-sử*, q. 3, tờ 10 a). *Đại-Việt sử-ký* (tiền-biên, q. 4, tờ 7 a) cũng chép việc ấy vào tháng bảy năm thứ nhất hiệu Nguyên-hung thứ nhất, đời Ngô Tôn-Hạo (264). *Tam quốc: Ngô-chi* (q. 3, tờ b) chép vào tháng 7 năm thứ 7 hiệu Vĩnh-an đời Ngô Tôn-Hưu. Xem *Quảng-Châu phủ-chi* (q. 6, tờ 3 b) về mục cần-án có câu: «... Tháng 7 năm ấy Tôn-Hưu mất, Tôn-Hạo nối ngôi, đổi niên-hiệu ngay, làm năm thứ 1 hiệu Nguyên-hung, cho nên chép nhầm là việc đời Tôn-Hạo... » Chính ra là việc đời Tôn-Hưu mới phải. Nhưng đối với lịch tây, không có hệ-trọng gì, dầu là Tôn-Hưu hay Tôn-Hạo, cũng vẫn là năm 264.

Năm qui-mão (523) hiệu Phổ-thông thứ tư, nhà Lương lại chia đất châu Giao, đặt ra châu Ái (*Khâm-định Việt-sử*, q. 3, tờ 33 a; *Nguyên-hóa quận-huyện chí*, q. 38, tờ 6 a).

Thế là từ năm 208 (nhà Hán đổi Giao-chỉ làm Giao-châu) đến năm 679 (nhà Đường đổi Giao-châu làm An-nam) chữ Giao-châu có khi là

cả nước (đối Hán) có khi là nửa nước (đối Ngô), có khi là một phần trong 12 phần (đối Đường); nhưng phần ấy sẽ kể dưới đây.

Những trước khi đặt tên là « An-nam », nước ta có một tên nữa là Vạn-quân.

Trên kia đã nói năm 523 nhà Lương lấy đất châu Giao, đặt thêm châu Ái. Độ 20 năm sau, ở châu Giao có ông Lý-Bí (Lý-Bôn) đuổi thứ-sử nhà Lương, giữ thành Long-biên (năm 541). Đến năm 544, thứ-sử là Tiên-Tư chạy về châu Quảng. Năm ấy ông Lý-Bí lên ngôi hoàng đế ở thành Long-biên, sắp đặt bách quan, đổi tên nước là Vạn-quân, dựng nhà Tiền-Lý (541-602) đặt niên-hiệu là Thiệu-dức (mà ta có niên-hiệu bắt đầu từ bấy giờ, tức là từ năm 544).

Nhà Tiền-Lý độc-lập được 60 năm, ngang với bên Tàu là Nam-bắc-triều (từ Lương, qua Trần, sang Tùy). Sử ta, như *Khâm-định Việt-sử* (tiền-biên, q. 4, tờ 2 b) chép là « Lý Nam-Việt đế », *Đại-Việt sử-ký* (tiền-biên, q. 5, tờ 1 a) chép là « Tiền Lý, kỷ tiền Nam-đế », *Đại-Việt sử-ký toàn thư* (q. 4 tờ 14 b) chép là « Tiền-Lý kỷ, Tiền-Lý Nam đế », đều cũng nhận ông Lý-Bí là tổ nhà Tiền-Lý và lại là tổ các nhà chính-thống sau này.

Thế mà sử Tàu như *Lương-kỷ*, *Trần-kỷ* không chép đến ! Sử-thần của ta là Ngô-thi-Sĩ đã phải nói rằng : « Nước ta từ khi nội-thuộc nhà Hán, một chức quận-thú, một chức man-thi, tuy là nổi lên lại thua ngay, đều là chép cả, duy có việc họ Lý, họ Triệu đem quân giữ lấy bờ cõi, kể ra cũng được lâu năm, công-nghiệp không phải là nhỏ, mà hai đời sử tàu là *Lương-kỷ* và *Trần-kỷ*, đều không chép đến ! chính là chỗ khuyết của sử tàu ».

Tuy thế sử tàu cũng có chép qua công việc của các ông vua thuộc đời Tiền-Lý. Như *Trần-thư* (q. 1 tờ 1b) chép rằng : « Thứ-sử châu Giao là Tiên-Tư, vì tham khắc mất lòng dân, người bản-thù là Lý-Bí, kết liên với hào-khiết vài châu, làm phản... Lý-Bí họp quân vài vạn ở bờ sông Tô-lịch để chống nhau với nhà Lương. Trần-bá-Tiên phải bách tử quyết lực để tiến quân ».

Trần-thư (q. 1, tờ 2a) nói đến củ (anh Lý-Bí là Lý-thiên-Bảo chầu vào Cửu-chân cùng với tướng cướp (?) là Lý-thiệu-Long thu hai vạn quân, giết thứ-sử châu Đức; rồi tiến vây châu Ái ».

Đến truyện Lý Phật-Tử và Triệu Việt-vương thì sử tâu (Tây-thư, q. 3, 31) chép « năm Khai-hoàng thứ 10 (590) bọn Lý Xuân ở Giao-chỉ tự xưng đại-đô-đốc, đánh hãm châu huyện: vua Tùy sai Thượng-tru-Quốc nội-sứ-lệnh Việt-quốc-công là Dương-Tổ sang đánh dẹp ». So với sử ta năm ấy là năm thứ 20 của Lý Phật-Tử mà sử tâu chép là Lý Xuân, thì có lẽ họ cũng biết tên nước ta, hồi ấy gọi là Vạn-xuân. Sở dĩ viết tắt là « Lý Xuân » (nghĩa là nước Vạn-xuân họ Lý) cũng như viết tắt là « Lưu Tống » (nhà Tống họ Lưu), « Triệu Tống » (nhà Tống họ Triệu).

Thái-bình hoàn-vũ ký (q. 170, tờ 7a-b) cũng là sách tâu chép « lời cổ-lão nói rằng Đại-dồng thứ sáu (540), người Giao-chỉ là Lý-Bì tiến xưng tặc nước, hiệu vua, dựng đài Vạn-vuân ». Cứ như vậy, người Tàu cũng biết ông Lý-Bì đặt tên nước là Vạn-xuân-quốc, và đặt tên cho triều-hội là Vạn-xuân đài.

Đến tháng 8 năm kỷ-mão (679) là năm thứ nhất hiệu Diêu-lộ đời Đường Cao tông, nhà Đường mới đặt « An-nam đô-hộ phủ », phủ-trị ở châu Giao. Đường thư dẫn: An-nam đô-hộ phủ vốn là quận Giao-chỉ, phủ-trị ở Giao-chỉ, coi 12 châu là: Giao, Lục, Phong, Ái, Hoan, Trường, Phúc-lộc, Thang Chi, Vũ-nga, Diên và Vũ-an (Khâm định Việt-sử, q. 4, tờ 18 a).

Thái-bình hoàn-vũ ký (q. 190, tờ 13 a) cũng chép việc đổi « Giao-châu đô-hộ phủ » làm « An-nam đô-hộ phủ » vào năm 679. Nguyên-hóa quận huyện chí (q. 38 tờ 2b) chép vào năm 654 (năm Vĩnh-huy thứ hai). Đại-việt sử-ký toàn thư (q. 5 tờ 3a) chép vào năm 622 (năm Vũ-đức thứ năm). Hai quyển này có lẽ chép nhầm: chính năm 679 như trong Đường-thư chép mới đúng.

Nhưng hai chữ « An-nam » đã có từ năm 264 sau T.C. Trên kia đã nói, năm ấy là năm nhà Ngô bên Tàu chia đất châu Giao, đặt làm châu Quảng lần thứ hai. Nhà Ngụy đặt thái thú quận Giao-chỉ cho Lã Hưng làm. « An-nam tướng quân, giao-chỉ thái thú » cho giám quận là Hoắc-Giặc quyền lĩnh chư-sử Giao-châu, được tiện nghi luyện dụng trưởng-lại. Lúc ấy Hoắc-Giặc dâng biểu xin cho Tháo Cốc làm thái thú, cho nha-tướng là bọn Đồng-Nguyên và Vương-Tổ đem quân đến giúp Lã Hưng, chưa đến nơi Hưng bị công-tào là Lý Thống giết, Tháo Cốc cũng chết.

Đại-việt sử-ký, tiền biên, q. 4, tờ 9a, và Khâm định việt sử thông giám vương-mục, q. 3, tờ 10 b).

Tuy hai chữ ấy là một tên chức quan, mà chức quan ấy chưa làm việc gì ở nước ta, nhưng tìm cội-gốc nên cho hai chữ « An-nam » có từ năm 264).

Đến năm 757 là năm thứ hai hiệu Chí-đức nhà Đường đời « An-nam đô-hộ-phủ » làm « Trấn-nam đô-hộ-phủ » (Khâm định Việt-sử, q. 4, tờ 23 b). Đại-Việt sử-ký (toàn-thư, q. 5, tờ 1 b; và tiền-biên, q. 6, tờ 7 a) đều chép vào năm 757 (mậu tuất). Quyển Hoàng-Việt giáp-tỷ niên biểu (q. thượng, trang 282) chép vào năm 756 (bính-thân). Nên theo Nguyên-hóa quận-huyện chí (q. 38, tờ 2b) và Thái-bình hoàn-vũ ký q. 170 tờ 3 a), vì hai quyển đã khảo-cứ và xét đoán nhất-định vào năm 757, cũng như Khâm định Việt-sử.

Năm 768 (mậu-thân) là năm thứ ba hiệu Đại-lịch, nhà Đường lại đổi chữ « Trấn-nam » làm chữ « An-nam » như cũ (Khâm định Việt-sử, q. 4, tờ 25 b; Sử-ký tiền-biên, q. 6, tờ 7 b; Sử-ký toàn-thư, q. 5, tờ 5 a). Sử tâu (Nguyên-hóa quận-huyện chí, q. 38, tờ 3 a; Thái-bình hoàn-vũ ký, q. 170, tờ 3 a) cũng chép năm 768 (Đại-lịch thứ ba) nhà Đường bãi chức tiết-chế, đặt chức kinh lược, và đổi chữ « Trấn-nam » làm chữ « An-nam ».

Toáng giềng năm Hàm-thông thứ ba (862), quân Nam-chiếu trên Văn-nam tràn xuống hãm phủ đô-hộ; kinh-lược-sứ là Thái-Tập bị giết chết. Tháng năm năm ấy, nhà Đường chia Lĩnh-nam làm hai đạo đông và tây, cho Vi-Trụ và Thái-Kinh làm tiết-độ-sứ. Nguyên trước Lĩnh-nam chia làm nam, là Quảng, Quế, Ung, Dung và An-nam. Thái-Kinh tâu xin chia Quảng châu làm Đông-đạo, Ung-châu làm Tây-đạo (Khâm định Việt-sử, q. 5, tờ 1 b).

Tháng sáu năm sau (tức năm quý-mùi, 863, hiệu Hàm-thông thứ tư), quân Nam-chiếu hãm phủ-thành, nhà Đường gọi tất cả các đạo quân về giữ Lĩnh-nam tây-đạo, bỏ phủ đô-hộ, đặt Hàm-thông ở trên Hải-môn cho chức hữu-giam môn vệ-tướng-quân là Tống-Nhung làm thứ sử (Xem tiếp trang 10)

DÂN QUÊ HOÀI NGHÌ

NGHIÊM XUÂN YÊM

Vừa đây, tôi được gặp một ông bạn, vốn người thường lặn lội đến mọi việc cải cách chốn hương thôn và chính tấm lòng sốt sắng ấy đã khiến bạn dấn vào một chữ trong ban hành-chính ở làng, quê của bạn. Bạn tỏ vẻ chán nản bảo tôi: « Dân quê không cải cách được họ không theo mình; họ không tin mình ». Một nhón-đón Túc-mỗ-cục, có lần nói chuyện với tôi về vấn đề truyền-bá các giống thóc và mương ruộng để cấy thí-nghiệm (multiplication sembler industrielle et essais de cultures), cũng đã lắc đầu kêu: « Nông-dân hay ngờ vực lắm. Họ rút-rè trước những lời khuyên bảo. Muốn cho họ tin mình để cộng-tác, cũng lắm công phu lắm vật. »

Những lời than phiền kể trên khiến tôi nhớ lại, cách đây hơn hai năm ngày 2 tháng 10 năm 1941, trong buổi diễn-văn đọc trước khi cử hành lễ phát động cho các Kỹ-sư Canh nông, tốt-nghiệp trường Nông-lâm đại-học, tại Hanoi, vị Thủ-hiền Liên-bang Đông-pháp nói: « . . . Phận-sự các kỹ-sư đông-dương là sẽ phải giúp dân-quê, phải dựa dẫm lấy được lòng tin của dân quê. . . » (Votre rôle sera d'aider les paysans, de gagner peu à peu leur confiance. . .)

Thiết-tưởng, mấy lời trên đây chẳng những chỉ đề nghị với các ông Kỹ-sư canh-nông tân-khoa, mà có thể nói với toàn-thể thanh-niên tri-thức ngày nay, với tất cả những ai là người có ý muốn trở về với dân quê. Tại sao chúng ta lại cần phải lấy cho được lòng tin của dân quê? Vì đã từ lâu nay, dân quê không còn tin-tưởng nhờ cậy được ở sĩ-phu nữa, nhất là ở bọn tri-thức trẻ-truôi bây giờ. Chẳng những đàn ông trẻ không còn tin thanh niên tri-thức về phương diện canh-nông hay kinh-tế. Họ không tin ở đức-hạnh ở bản-lĩnh, tài năng họ không tin về tất cả mọi phương diện. Đến nỗi họ có thể không tin cả tấm lòng sốt sắng của một số ít thanh niên hiện nay muốn trở về với họ nữa. Một bạn tri-huynh trẻ tuổi gầy-gống nói: « Dân chúng có để cho mình khai-hóa cho họ đâu? Một số ít các chủ-điền chép miệng kêu: « Bạn điền tốt có muốn để cho mình thương-hại đâu? . . . »

Chính thế, dân quê đã quen sống hoài-nghỉ mặt ròi, lợ hoai nghu, cá lộng thương lòng tốt của các bạn. Họ không thể tin rằng các bạn còn trở về với họ, sẵn sàng soc đến họ. Cho nên nhàn có một khi

nói chuyện mới khen một ông huyện tân-học, trẻ nhậm một hạt ở trung châu, đã làm được tiếng cá iếm chính và có bụng yên dân, một ông chánh-hội-cư, (trong lúc ông ta say mê hương trà mạn sen cùng tôi đối ẩm, và có lẽ nhờ hương trà thơm ấm làm đắm bót lòng hoài-nghỉ của ông đối với người tiếp chuyện), đã thực thà thốt ra những lời sau này:

« . . . Đối với dân ngu chúng tôi, trước một sự vấn mình tối tân, tàu bay bay trên trời, làn ngấm lặn đầy bể cũng không lạ, chuyện vua Nã-phá-Lân đánh đồ cả châu Âu cũng không lạ và làm cho chúng tôi ngạc nhiên bằng ông huyện mới chúng tôi. Vì thực quí chúng tôi không ngờ có được một ông quan, tân học như thế. . . , vì có bao giờ các ngài làm học hiệu tới đình dân quê đâu. . . . Sở dĩ có sự không tin ấy, chính bởi dân quê và thanh niên tri thức hiện tại đã sống khác nhau, đã cách xa nhau nhiều quá. »

Thực thế, trải xem lịch sử, chưa thấy hồi nào ở nước ta, hai giai-cấp tri-thức và dân chúng lại xa nhau, không hiểu nhau, bỏ quên nhau như hồi từ 20 năm tới gần đây. Từ trước đến giờ, thanh niên tri-thức có sống chung với dân quê lúc nào đâu? Từ trong quyển sách học đến chốn hi-trường của một thanh niên tri thức Việt-nam, không gặp người dân quê ở chốn nào cả. Chúng ta chỉ gặp người Âu, Mỹ ở tại quyền võ trong học-đường tại trang sách nơi thư-điện, trong bộ quần áo chúng ta mặc, trong cốc rượu chúng ta uống, trong miếng bánh chúng ta ăn, trong vở kịch hay phim chớp ảnh chúng ta xem. Vì thế chúng ta biết rõ cách sinh nhai của người Âu hơn biết đường sinh hoạt của dân-quê ta: thuộc phong tục dầu mọi đả đồ hơn thuộc lễ thói dân quê ta: hiểu tâm lý thổ dân Phi châu hơn hiểu tình hình dân quê ta. Rồi chúng ta hóa ra ghét những tục-lệ, đả-m thức ở làng, ghét những dân ở làng, dẫu rằng chẳng biết tục-lệ, đả-m thức ấy có những gì, hoặc dân chúng ấy có làm hại chi đến ta không?

Còn người dân quê họ không bao giờ dám đến gần người thành-thị. Họ thích an thường thủ phận. Thấy chúng ta khác họ nhiều quá, nên họ e ngại lánh xa. Giữa người thanh niên tri thức Việt nam với một người dân quê Việt nam

= SỰ ta so với sự Tàu =

(Tiếp theo trang 17)

Hành Giao-châu chức vũ-ngĩa tiết-độ-sứ là Khang-thừa-Huấn kiêm-Lĩnh-nam và hành-doanh các quân.

Thế là trong lúc ấy không có phủ đô-hộ, chỉ

có những sự khác lạ, sự không hiểu nhau, Y như giữa một người Việt-nam với một người ngoại-quốc.

Ngày xưa, tuy lúc-nho học toàn thịnh, vẫn phân biệt sĩ với nông, nhưng các tiên-nho có bao giờ lãng quên rằng bốn phận-kẻ sĩ phải tu-thân để với tề-gia và trị quốc. Các cụ không bao giờ quên câu châm-ngôn của thầy Mạnh: « lấy dân làm quý ». Trong thời bình, gặp buổi loạn, các cụ vẫn can đảm gánh lấy tất cả những nhiệm-vụ nặng nề đối với trần-hộ. Tuy trong cuốn lịch sử có những trang rực-ỡ bị sen lẫn những trang tối tăm ảm đạm, tuy bọn sĩ-phu xưa kia đã nhiều lần đưa quốc-dân lên con đường vinh quang, cũng lắm bận dắt lầm quốc-dân vào các ngã gai góc, nhưng chưa bao giờ sĩ-phu tiên-nho xa bỏ dân quê như sĩ-phu ngày nay.

Vậy nếu nay chúng ta muốn trở về với dân quê, chúng ta đừng nên ngạc nhiên rằng tại sao dân quê không tin chúng ta, tại sao họ hoài nghi, ngờ vực, e dè. Trước sự hoài nghi ấy, người nông nổi sẽ lấy làm bất bình, thất vọng và rầu rĩ. Nhưng kẻ nào trăm-ngám một chút sẽ nhận thấy lỗi ứ về phần mình, và coi sự ngờ vực ấy như một trách-phạt cho toàn thể phải thanh niên tri-thức ngày nay phải chịu. Chúng ta đừng vội rầu rĩ với dân quê. Chúng ta phải ăn năn chuộc lỗi của bọn ta, Chỉ khi nào chúng ta thật gần với dân quê, thân với dân quê, sống chung với họ, để hiểu tâm-hồn họ chia lo với họ những nỗi lo, sẽ vui với họ những nỗi vui chỉ khi nào tư-tưởng, hoạt động, ngôn-ngữ và tài-năng mà bọn tri thức đã khâu góp được trong khi súc-tiếp với người ngoại đều lại còn nhuốm đậm thấm lấy màu sắc Việt-nam thì họ chẳng dân quê mới lại có lòng tin và sẽ vui theo sau gót cày đi vào đường lối sáng sủa.

N. X. Y.

có Hành Giao-châu ở trấn Hải-môn. Có người cho Hải-môn là thuộc Hải-dương Tra Thanh nhất thống chi, thì Hải-môn trấn nay ở phía tây huyện Bắc-bách, trấn Uất-lâm, cách huyện độ 15 dặm, ngày xưa là con đường ở Thu-sang An-nam; Cao-Biền dùng quân ở đấy (dẫn trong Khâm-định Việt-sử, q. 5, tờ 1a - 5a).

Thế là tháng bảy năm ấy (863) nhà Đường đặt phủ đô-hộ ở Hành Giao-châu, thăng Tống-Nhuong làm kinh-lược-sứ đem quân Sơn-dông đến đô trấn trị (Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 5, tờ 12 a; Khâm-định Việt-sử, q. 5; tờ 5a).

Năm sau (864) Nam chiếu vào cướp Ung-châu: quan quân nhà Đường bị tâu. Thừa-Huấn giã-mạo lấy công, được thăng Kiêm-biêu Lĩnh-nam tiết-độ. Vi-Trụ biết rõ công-việc của Thừa-Huấn, mới làm tờ bạch lên tể-tướng nhà Đường. Vua Đường bèn bãi chức của Thừa-Huấn, cho chức tổng quan kinh-lược-sứ là Trương Nhân sang thay, kiêm cầu-đương việc châu Giao, thêm 35.000 quân ở trấn Hải-môn, sai Trương-Nhân tiến lấy phủ thành (Đây là theo Khâm-định Việt sử, q. 5, tờ 6 b; còn Sử ký tiền biên, q. 6, tờ 17 b, Sử ký toàn thư, q. 5, tờ 12 b, và Việt kiều thư, q. 4, tờ 14 a, đều chép là 25.000 quân).

Trương-Nhân dùng đảng không đi: Hạ-hầu-Tư tiến cử chức Kiêu vệ tướng quân là Cao Biền sang thay. Tháng 7 năm 864 vua Đường cho Cao Biền làm chức. Đô hộ tổng quân kinh lược chiêu thảo sứ: những quân Trương Nhân đem đi, hết phải giao cho Cao Biền (Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 5, tờ 12 b; Khâm định Việt sử, q. 5 tờ 6 a b, dẫn Cương-mục và An-nam kỷ yếu). Thế là phủ đô hộ bị quân Nam-chiếu chiếm mất, cho nên phải đặt phủ đô hộ ở Hành Giao châu.

(Còn nữa)

Ứng hoè NGUYỄN VĂN TỐ

Phải địa dư Nhưng buồn đi ngang

(Tiếp theo trang 9)

4) Cứ xem đó thì biết rằng, muốn đặt những quy luật nhất định và tổng quát về sự quan liên của địa dư với xã hội, rất khó vì tính cách ngẫu nhiên và gián tiếp của định luật địa dư. Khó khăn, nhất vì một lẽ nữa là ảnh hưởng của yếu tố địa dư rày lại thủ tiêu mặt ảnh hưởng của địa dư kia; và ảnh hưởng của tổng bộ yếu tố địa dư lại có khi bị thủ tiêu bởi ảnh hưởng của tất cả yếu tố khác không có tính cách địa dư. Cho nên vấn đề minh càng phức tạp thì sự quan liên giữa xã hội và địa dư càng không rõ ràng không hiểu được. Như thế không phải bảo là, trong những xã hội văn minh ấy địa dư không có ảnh hưởng nữa, nhưng ảnh hưởng ấy cũng giống ảnh hưởng khác tương đối. Vì thế nên khó nhận thấy rõ, và khó lập quy lệ.

Vì những lẽ ấy, ta không nên cao vọng quá bao nhiêu sự gắng công cố sức để mở tìm những liên quan giữa địa dư và xã hội thì tốt bậc cũng chỉ tới được một nghiệm thuyết (hypothèse empirique) rất khái lược có thể áp dụng cho một vài xã hội và một vài thời đại chứ khó lòng mà bao quát được tất cả các xã hội và các thời đại. Và cũng nên đợi đến rằng, sẽ có nhiều thuyết quan liên không dùng ấy là chưa kể những thuyết không-dám, không đáng kể là khoa học.

Trên đây là tóm tắt những nguyên tắc và kết luận thuộc về học phái địa dư.

(Tiếp theo trang 10)

Tôi về đây giờ thì biết nói ra sao? Chẳng nhẽ... chẳng nhẽ lại nói thật là nhà tôi đã bỏ đi. Thấy để tôi lại tưởng.... »

Mình ngừng. Kiên hiền chỗ khổ nghĩ của người thiếu phụ. Hồn nhân không phải là một cuộc phớt hợp tại bề, mà một khi người đàn ông chán bỏ đi thì người đàn bà lại quay về với bố mẹ. Kiên không biết Minh có mang, nhưng một ý nghĩ đó cũng đủ cho chàng hiểu nỗi ngao ngán. Không về thì biết làm sao? Ngay sinh kế cũng đã là điều khó, Khôi không còn dây để chu tất. Tình hình tiền nong của bạn, chàng đã rõ.

Kiên thoáng nghĩ Hay tự cho Minh một chỗ ở gần Hả-môi, cho nàng đỡ phải buồn tẻ như ở cái xóm nhà quê này. Trong khi đợi tin Khôi, chàng tạm chu tất việc tiền pha, ăn uống? Kiên nhila định: nét mặt sứt, kém vẻ tươi của nàng đang cần sự che chở, bao bọc của người đàn ông.

Chàng sức thấy ý nghĩa đại-dột của điều vừa nghĩ. Chẳng không phải người có địa vị làm điều đó. Chẽ người đàn bà, nên không ở bên cạnh chồng con, thì phải ở bên bố mẹ. Ở với họ hàng cũng đã là điều bất đắc dĩ. Người phải trông nom, bao bọc cho Minh là Khôi. Nếu chàng làm việc đó, chàng, một trai chưa vợ, thì rồi sẽ xử ra sao, nếu không tìm thấy Khôi? Trường hợp ấy không thể kéo dài, tất lại vẫn phải tìm kế sách gì. Mỉm nếu Khôi về, tình cảnh lại thêm phiền phức. Biết đâu Khôi chẳng nghi ngờ?

Tất cả những chuyện lời thời này, chỉ tại Khôi gây nên Kiên ngẫm oán khôi đã làm điều vô-lý, gây biết bao phiền nhiễu.

Mình nói tiếp câu vừa rồi.

« Thấy để tôi lại, tưởng có câu chuyện hài hòa gì. Thấy nhà tôi bỏ đi, lại càng để ngơ lăm. »

Im một lúc, Kiên nói:

« Hay thế này. Chị về, đừng nói gì đến việc anh Khôi bỏ đi cả. Chị cứ bảo là anh ấy phải đi xa, chị không tiện đi theo, mà lại phải vội đi ngay, nên không thân đưa chị về được. Các cụ biết đâu? »

(Còn nữa)

BỒ ĐỨC THỦ

ĐANG IN

TRU'ONG CHI

KHOA THƠ

của VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

ANH - HOÀ

69, Hàng Than — Hanoi

Tổng phát hành: Minh Đức — Thái-bình

Ô-TÔ... NHÀ LẦU

CÁI MỘNG ĐÓ SẼ THÀNH

SỰ THỰC, NẾU CÁC NGÀI

BỎ 1 \$ 00 MUA

VÉ SỔ SỞ ĐÔNG - PHÁP

KHOI THUOC LA

NGUYỄN ANH VĂN CỦA WILLIAM FAULKNER

BẢN DỊCH PHÁP VĂN CỦA PIERRE DUTRAY

NHƯ HÀ DỊCH

Vào hồi này thì lão Holland đến ngụ ở hạt Jefferson đã từ bao nhiêu năm rồi. Không một ai biết lão tự đâu đến. Chỉ biết lúc mới đến thì lão còn trẻ, đó là một gã khôn ngoan không thì ít ra cũng là kẻ thích thời vì chỉ ba năm sau, hắn đã lấy được con gái một chủ một chỗ ấp hàng hai nghìn mẫu, một ấp tốt nhất vùng Hân ở gửi rê và được hai năm thì vợ hắn đẻ hai đứa con giai sinh đôi không bao lâu ông như chết đi để Holland làm chủ một định cơ bấy giờ đứng tên vợ. Nhưng ngay trước khi bố vợ chết, người vùng Jefferson đã từng nghe thấy Holland bỏ bỏ luôn miệng nào « ruộng của tôi » nào « lúa của tôi » đến nỗi những người, mà từ đời ông cha đã ở Jefferson đều có ý ghê lạnh và giận dữ coi hắn như một kẻ không chút liêm sỉ. Và cứ theo lời những tá điền dù là người da trắng hay người da đen, và tất cả những ai đã giao dịch với hắn thì lại là một kẻ vũ phu. Nhưng vì để vợ và ông nhạc hân nên mọi người đều không khinh trọng thì cũng nhả nhặn với hắn. Đến khi vợ Holland chết, để lại hai đứa con nhỏ, người ta đổ lỗi cho hắn; người ta ngờ rằng những cư xử tàn tệ của thằng cha ngụ cư vũ phu đó đã làm người đàn bà chết dần mòn. Rồi tới lúc hai đứa con hắn trưởng thành, người ta không lấy làm lạ khi thấy đứa trước đứa sau đều bỏ nhà kéo đi. Rút cục đến lúc người ta nghe tin lão Holland chết, cách đây đã sáu tháng, chết vì cuống ngựa, chân vướng bàn đạp, thầy bị rách nát chặc hẳn vì ngựa đã lôi cả hắn đắm vào một hàng rào (người ta còn thấy cả vết gãy trên lưng và sườn con vật mà hắn đánh trong một cơn hung cuồng) thì mà không một ai thương tiếc lão vì trước đó không lâu lão đã làm một việc mà

bất cứ ai ở trong vùng ở thời đại này, với dư luận thông thường, đều cho là một việc bất kính không thể nào tha thứ được. Hơn mà lão chối người ta được tin lão đã khai quật các ngôi mộ ở nghĩa địa nhà vợ và nhất là mộ vợ hắn chết đã ba mươi năm rồi. Giữa tình trạng đó lão già điên cuồng, mà mỗi oán hận đã lưu ở trên đời, được chôn giữa những ngôi mộ mà lão đã phạm tội và giữa lúc lão đang đưa tòa phê chuẩn tờ chúc thư của lão. Người trong vùng lại không ai ngạc nhiên khi nghe tin rằng, ngay đến lúc đã qua thế giới bên kia, lão còn tàn nhẫn một lần cuối cùng với những di tích máu mủ ruột thịt của lão, những kẻ độc nhất mà lão còn có thể làm thiệt hại hay nguyên rủa.

Khi cha mất thì hai người con sinh đôi đã bốn mươi tuổi. Người ta đồn rằng người con thứ, tên là Junior, xưa kia là con nuông của mẹ — có lẽ là vì hắn giống cha nhiều hơn. Dù sao, ngay khi bà mất, lúc đó các con đều còn nhỏ, người ta đã bàn đến những ruộng cải-lộn chia rẽ hai bố con Holland và Junior; người con kia, tên là Virginus đứng lên can ngăn thì chỉ khổ là phải nghe chửi của cả hai bên, cha và em. Thế nhưng bản tính Virginus là như vậy; cả Junior nữa tính hắn vốn thế; chưa đầy hai mươi tuổi mà hắn đã bỏ nhà kéo đi hàng mười nam giới. Khi hắn quay trở về thì hai anh em đã trưởng-thành; Junior nhả quyết xin cha chia ruộng — lão Holland chỉ có quyền ứng-dụng, thu lợi của đó — và giá phải cho hắn. Lão già giận dữ từ chối; mà chẳng phải là thằng con cố-giỏi xin mà là cả hướng-lãnh về tuổi đó thì hai bố con giống nhau quá. Người trong vùng nghe một tin ngạc-nhiên. Virginus đã về phe và bên cha. Lần dịch này là

quả nhiên ruộng nương vẫn không chia, và mọi người đều biết rằng sau một cuộc cãi lộn kịch liệt chưa từng thấy bao giờ, đến rồi bao nhiêu nô bộc người da đen ở trong nhà đều phải bỏ trốn tản mác ngay ban đêm, thế là Junior kéo đi mang theo cả một bầy la đống vào xe của riêng hắn. Từ đó giờ đi cho đến lúc cha hắn chết, ngay cả sau khi Virginus cũng phải cuống gỏi, Junior không hề nói với cha và anh một lời. Tuy vậy hắn cũng không đi ra khỏi hạt. Hắn chỉ tìm ăn giữa một khoảng đồi (ai cũng bảo là « để hắn có thể theo dõi những âm mưu của cha già và của Virginus ») và trong mười lăm năm giờ sau hắn sống cô độc như một thầy tu, trong một túp lều hai gian, nền bằng đất đập. Hắn tự nấu ăn lấy, và mỗi năm không ra tỉnh (lời bốn lần, theo sáu hai con la của hắn. Trước đây không lâu, hắn bị bắt và đưa ra tòa vì nấu rượu whisky. Hắn không tự bào chữa gì cả, cũng chẳng kêu ca rằng có tội hay không, kết cục bị phạt tiền vừa vì tội nấu rượu vừa vì tội phi-báng quan tòa. Khi Virginus, anh họ tỏ ý muốn trả tiền phạt cho em thì bỗng hắn nổi cơn hung chẳng khác gì cha, và giữa tòa, hắn định nhảy sào tới Virginus. Rồi, tự nhiên, người ta giam hắn để tám tháng sau người ta thả hắn ra vì hành vi điên cuồng. Hắn lại quay về túp lều và lảng giềng bay xa lạ mọi người bỏ mặc trong hiu quạnh con người rầu rĩ, ít nói với bộ mặt quăm quăm đó.

Chỉ còn mình Virginus ở lại cây cầy ruộng nương mà chờ đợi cha hắn sao nhãng. Mọi người nói tới lão Holland đều bảo rằng « dù hắn ở đâu đến và đã nhận được một giáo dục thế nào không biết, nhưng quả hắn không đáng là một chủ ruộng ». Và ai nấy chắc mẫm rằng :

— Vì thế mà giữa hai cha con Holland và Junior, có những chuyện sích mích ; Junior không thể ngồi yên để nhìn cha làm cầu thả phao phi ruộng nương mà mẹ hắn đã để lại cho hắn và Virginus được.

Nhưng Virginus còn ở lại. Không lẽ nào kỳ quặc mãi thế được, mà rồi sau ai cũng bảo rằng lẽ ra Virginus phải thừa biết rằng tình trạng đó không thể kéo dài được mãi. Ít lâu nữa người ta lại bắt hắn : « Có lẽ hắn biết. Nhưng bản tính Virginus thế đó. Không ai biết được đó hắn nghĩ ra sao, mà quả xưa nay có ai đoán biết ý nghĩ của hắn. Vì bằng Holland và Junior tựa như mặt nước

mặt nước có thể đen tối đến tối đấy, nhưng người ngoài còn có thể soi nhìn thấu họ. Đến như Virginus, trừ sau khi xảy ra câu chuyện, thì xưa nay còn có ma nào biết hắn nghĩ đến ngấm hay định mưu mô gì. Ngờ rồi ta cũng không còn biết đã xảy ra việc gì cái ngày mà rồi Virginus cũng bị tổng khất ra khỏi cửa sau khi một mình đã đứng vững nổi hàng mười nam trong lúc Junior bỏ đi xa; hắn không hề kể với ai qua một lời, chắc chắn là ngay cả với gã Dodge kia nữa. Nhưng vì mọi người đều biết tính hai cha con, Holland và Virginus, nên ai cũng tưởng tượng câu chuyện đã xảy ra như sau đây.

Nguyên ai cũng biết lão Holland nung nấu tức giận trong chừng một năm giờ, từ cái ngày mà Junior mang la đi ăn trong đồi. Bỗng ngày kia mỗi giận của lão nổ bùng ra ; chắc là rồi lão la con như sau này :

—Thằng em mày đã cút rồi, chắc mày tưởng bây giờ mày cứ nằm đại lẫn đấy rồi bảo nhiều của cải nhà này thế nào cũng về tay mày đó, phải không ?

— Tôi chẳng muốn lấy tất cả ruộng nương. — Virginus đáp, — tôi chỉ muốn lấy phần của tôi thôi.

— À ! rá bây giờ mày muốn chia sẻ gia tài này ra đây hả. Mày cũng không, khỏi như thằng em mày muốn chia của ra ngay từ lúc chúng mày trưởng thành.

— Tôi thì tôi muốn (à, vàng cò ipột miếng đất quên mà cầy cầy từ từ còn hơn là cò tất cả mà để cho cỏ mọc như bây giờ.

Virginus vẫn nói một cách khoan thai, điềm tĩnh ; xưa nay người trong hạt có ai thấy Virginus tức giận hay bối rối một mảy may bao giờ, ngay cả cái ngày mà giữa tòa Junior muốn ầu đã với hắn vì câu chuyện nộp tiền phạt.

— Mày muốn thế đó, hả ? Thế ai phải làm lưng cho cò lúa má. Khiều ít mạt Jầu, ai vẫn đóng thuế ruộng đó ; hai anh em mày thì chỉ biết hàng năm thu nhặt tiền để bỏ hòm, chứ có bao giờ bỏ ra một xu đóng thuế.

— Ông phải biết cả đời không bao giờ thằng Junior nó để dành riêng lấy một xu nhỏ, Ông muốn nói gì nó thì nói, cứ đừng bảo nó là đứa chắt bóp.

— Phải, thằng giới đánh ! Nó nó là người lớn, nó đã có gan bỏ đi, có gan đòi phần mà nó gọi là

của nó, chỉ từ róc sáo đi mà vẫn tay trắng. Nhưng, còn mày, mày tốt ở lại nhà này, với bộ mặt ma đói, hóng chờ tao chết đi. Có giỏi mày giả hết thuế mà tao phải nộp cho phần mày từ ngày mẹ mày chết đi đến giờ, rồi đây nhận lấy phần.

— Không, tôi chẳng giả với lấy gì cả.

— Không, thực không à! — Lão Holland thét — Phải rồi, tội gì mày lấy tiền của mày để giả cho một nửa gia tài, mày chắc rồi mày sẽ được tất cả kia mà, lại không mất một xu nhỏ?

Thế rồi mọi người tưởng tượng thấy lão Holland đứng dậy — vì người ta tưởng thấy hai cha con đã ngồi gần nhau nói chuyện như hai người lịch sự — lão Holland chồm dậy, đầu tặc rồi bẻ, hai hàng lông mày dầy cau lại, và lão thét lên:

— Cút ra khỏi nhà tao.

Nhưng Virginus vẫn ngồi im, không đứng dậy và nhìn cha. Lão Holland tiến lại gần, dơ tay cao:

— Cút... cút ra khỏi nhà tao. Thắng giới đánh, tao thì...

Thế là Virginus cuốn gói hẳn vẫn thung thỉnh, không hề hấp tấp. Hẳn thu xếp bòm siêng gói ghém quần áo, (chắc hẳn phải có nhiều đồ đạc hơn Junior mà nhiều lắm cũng nên) và hẳn đến ở nhờ người anh em, còn một người họ hàng xa của mẹ hẳn, ở cách nhà hẳn chừng bốn năm dặm. Người anh em họ đó ở một mình một cái trại, trại cũng nhiều hoa lợi tuy rằng hồi đó cũng đã cằn cỗi cho nhiều nơi rồi; vì hẳn cũng không phải nhà nông thực thụ. Hẳn nửa làm lái buôn nữa làm thầy pháp; cả hai nghề đó chắc hẳn cũng chẳng giỏi hơn gì nghề nông — Hẳn người bé nhỏ rêu rĩ, khó hiểu, một hạng người mà không ai nhớ được nét mặt một phút sau khi xa họ.

Virginus bỏ nhà đi không vội vàng, cũng không làm những chuyện kịch liệt, tận từ, như em hẳn, ấy thế mà, lạ thay, không ai vì thế mà ít miễn Junior đi chút nào. Nói cho đúng thì ai cũng vẫn ghét Virginus xưa nay. Vì hẳn khi tự chủ quá. Mà người đời thì vốn lại tin cậy những kẻ không tự chủ được hơn hết. Mọi người vẫn gọi Virginus là «thằng tâm ngầm»; vậy cho nên không ai ngạc nhiên khi nghe nói Virginus lấy tiền riêng để chuộc lại trại cho anh họ. Cũng không ai lấy làm lạ khi nghe tin, một năm sau lão Holland không chịu nộp thuế điền, ấy thế mà hai hôm trước ngày tòa định đem phát mại, một kẻ vô danh nào đã gửi nhà giấy thép đến cho

viên quận trưởng để nộp tiền, trong thư kèm theo, tiền thuế mà lão Holland phải chịu.

Ài cũng nói — «Chắc chắn là tiền thắng Virginus», vì ai cũng tưởng là gửi tiền bất tất phải có người ký tên. Viên quận trưởng đã viết thư thúc lão Holland. Lão nói: — Thì cứ bán đấu giá phăng ngay, rồi cút đi! Nếu chúng nó tưởng chỉ việc ngồi mát mà đợi... À! những quần knon nan, lũ...

Viên quận trưởng viết thư cho Junior biết, Junior giả nhờ gọn vào bức thư:

— Không phải ruộng đất của tôi.

Viên quận trưởng lại thúc Virginus. Virginus ra tỉnh và tự mình tra xem sổ sách. Và hẳn nói:

— Tôi còn bận việc của tôi chưa xong. Vẫn biết nếu cha tôi bỏ ruộng nương đấy thì tôi cũng hy vọng lấy được. Nhưng tôi không biết. Một áp tốt như thế chẳng ế gì, đâu sao cũng không đến nỗi phải bán rẻ.

Thế là hết chuyện. Hẳn không giàu đủ, không ngạc nhiên, không hối tiếc gì. Thì Virginus vốn là một thằng lăm li, không ai lấy làm lạ khi nghe nói viên quận trưởng đã nhận được số tiền thêm mấy chữ không ký tên: *Tiền để giả thuê cho ấp Holland. Xin ngài gửi biên lai cho ông Holland.*

Ài cũng bảo. — Chắc chắn là tự thắng Virginus gửi đến.

Năm sau ai cũng nhắc nhồm luôn đến Virginus; hẳn ở nơi xa lạ, cây cấy ruộng nương của người, mà không bao giờ không trông về cái ấp và ngôi nhà nơi hẳn để và cứ cung cách ấy thì rồi hẳn đến tàn nghiệp. Là vì bây giờ lão già phó mặc thiên-địa cả năm nay qua năm khác, những bụi rậm, những gốc cây chiếm cứ những cánh đồng rộng và tốt. Ấy thế mà, cứ tháng giêng, viên quận trưởng vẫn nhận được tự nhà giấy-thép số tiền vô danh và ông ta lại gửi biên-lai cho lão Holland. Số là lão già này không bao giờ dứt chân ra ngoài tỉnh nữa, cho dầu ngôi nhà chỉ chực đổ sụp lên đầu lão. Trừ Virginus ra, không bao giờ ai dùng chân lại nhà lão. Mỗi năm chừng năm, sáu lần Virginus đến đứng ngựa trước cổng nhà. Thế là lão già ở đầu hiên ra ngưỡng cửa và ném vào mặt hẳn không biết mấy những lời mắng chửi, thóa mạ vừa gầm lên và lững tiếng diên rồ. Virginus, vẫn bình tĩnh như thường, chỉ bảo vài lời

cho mấy tên điên tốt cả đen còn ở lại và, một khi hẳn được trông thấy để yên-trí rằng cha hẳn còn ở về mạn, hẳn là quay ngựa đi. Rồi ra chẳng còn một ai đứng lại đó bao giờ. Ấy thế mà có những ngày, tự dưng xa người ta trông thấy lão Holland cuối con ngựa già đó sẽ già lão, chạy khắp nơi trong nhà cửa, đồng của lão, liên diên vì bị cơn hoang cầm đầu. Trẻ rồi thì cuối cũng vào mùa hạ năm trước, người ta nghe tin lão đang khai-quật những ngôi mộ trong rừng rậm, nơi ai-giác của nhà vợ lão từ năm đời này, một tên nô bộc da đen kể chuyện ra, là lúc viên sĩ trưởng lại đến tận nơi và thấy con ngựa trắng buộc ở một gốc cây, tên lão già ở khu rừng bước ra, tay cầm súng. Viên thầy thuốc hồ quay về, và hai ngày hôm sau cho một người dân đến đến tìm thấy lão già nằm chết bên cạnh ngựa (thầy thuốc vào bàn đặt trên lưng ngựa họ, thấy những vết gãy độc ác, gãy chứ không phải rơi). Thì ra căn vật đã bị đánh lay đánh đổ một cách tàn nhẫn.

Thế rồi người ta choi lão già già những người mộ mà lão đã phạm tội. Virginus và người anh em họ đi đến ma. Sự thực năm mà chỉ có hai người, vì Junior không về. Rồi về sau nữa thì cũng không được đi đến để áp, ấy thế mà Virginus cũng chỉ ở đó vừa đủ thì giờ để đi đồng cấy ngô và cho lũ rô-lê, đến tới da đen nghỉ việc. Xong rồi Virginus lại đi, trở lại nhà anh họ. Không bao lâu đến ngày đã định, tòa xác nhận chức thẩm của lão Holland trước mặt viên quan tòa Dufinfield. Chữ thư nói gì mọi người đều biết cả. Gray tờ dùng luật, lời lẽ trong chức thẩm không làm cho ai ngạc nhiên:

Hai phần di sản sau đây, tôi truyền lại tất cả tài sản cho con cả tôi là Virginus niên đủ quan chấp chỉ chứng thực rằng chính Virginus đã nộp thuế ruộng đất của tôi; việc này chỉ riêng một mình quan chấp chỉ có quyền thêm-dụ b. . .

Hai phần di sản kia là:

Cho con thứ tôi là Junior hai bộ yên cương miễn là Junior dùng vật đó để tới viếng mộ tôi một lần. . . Nếu không những vật đó lệ hoặc nhốt. . . tạo giá trị theo như trên đã định.

Cho cháu ngoại tôi là Dodge một dollar tiền vàng mà Dodge phải cùng đến tu nột hay rai quyền thành ra, như vậy để trả

con Dodge đã cho con tôi là Virginus ăn nhờ từ ngày. . . nó bỏ nhà đi.

Chức thẩm như thế đó. Mọi người đều mãi mãi vẫn tại ra để nghe hoặc để nhìn xem Junior sẽ nói hay làm gì. Nhưng tuyệt nhiên họ không nghe mà cũng không nhìn thấy gì cả. Và người ta lại trở mặt ra xem Virginus hành động ra sao. Hắn không làm gì cả hay có nhờ người ta không hay hẳn là gì. Hắn nghĩ ngợi ra sao. Mà đó lại là cái gạch của hắn. Hắn sao thế là xong. Hắn chỉ còn chờ quan tòa ông Dufinfield chuẩn thuận là chức thẩm. Rồi nữa Virginus muốn. . . là để cho Junior một của ruộng đất. Về chỗ đó thì một người đến một cách. Có người nói:

— Cậu ta và Junior ắt hẳn vẫn không có chuyện gì.

Kể khác cái:

— Thì bằng Virginus của này có chuyện gì với ai dân. Sao nó lại chưa đem chia áp ra cho cả làng quận?

— Như chỉ là bằng Virginus trước kia mới hợp liên phải cho Junior kia mà.

— Phải là những chuyện nó đã vào liên với lão rô-lê bằng Junior đời xin chia ruộng.

Thế là người ta đành phải chờ xem sự thể thế nào. Lúc đó mọi người đều chú ý đến quan tòa Dufinfield. Bỗng nhiên người ta tưởng như việc đó chỉ cần tùy ông này; người ta cảm thấy ông ta ngự trị như một đấng thiên thần, vô tình với cái cười ngạo nghễ và ánh mắt của lão già kia, nằm xuống đất mà vẫn chờ chờ muốn chết. Người ta tưởng như ông ta bay vọt lên trên hai anh em bất hòa kia để từ mười lăm năm nay họ không biết đến nhau như hai người chết. Nhưng theo ý mọi người thì, ở cái tài của ông cũng. . . kia, lão già đang con giận dữ mà chọn quan tòa Dufinfield là đã đi xa quá cái mục đích của lão rồi. Lão Holland đã thất cách. Vì ai cũng rõ rằng quan tòa Dufinfield là người độc ác thì có đủ tài năng, cách dự và lo-ong-trí — cái thứ thần thực và tinh-cụ của có củ thì giờ để ra ra mà mò tay sờ tới thì ông có ở những kẻ đày đọa khảo-cử về luật pháp. Chỉ một việc ông ta đã ra cái câu hỏi giờ vào sự chuẩn-ban một tờ văn-lưu thực minh-bạch cũng chứng thêm lần nữa rằng chỉ một mình ông ta tin rằng việc hình pháp gồm có năm mươi phần trăm là những kiến-thức pháp luật và năm mươi

phần trăm là sự thông thạo khôn ngoan cũng lỏng lẻo ở Giới và ở mình.

Vì vậy khi cái hạn ngày phê chuẩn tờ chức thư sắp hết, mới ngỏ lời đến chủ ý quan sát quan tòa Dukinfield khi ngài háng ngày đi từ nhà riêng đến phòng làm việc tại tòa án. Ông ta bước đi đồng đều, không chút vội vàng. Ông ngoài sáu mươi tuổi, góa vợ, vẻ người oai-nghiêm với làn tóc bạc, dáng đi ngay ngắn và đường hoàng; từ mười đến bảo rằng ông ta đã soi phải một cái cán chổi. Trước đây mười bảy năm ông đã được bổ làm chánh án; kiến thức pháp luật có hạn, đường về cái trọng trách đó đã căng thẳng; từ mười ba năm nay không ai phản đối việc tái cử ông cả; chính những kẻ buộc mình đến về cái vẻ ăn cần, cái cách vồn vã từ tốn của ông ta, đến ngày hẳn cử, lại bỏ phiếu cho ông với một sự tin cậy yếu-tầm một cách trở cùn.

Vì vậy người ta không nóng ruột chờ đợi vì ai cũng biết rằng ông mà đã định làm việc gì là phải làm cho hoàn hảo. Họ nghĩ phải là vì có ông ta đứng vào đây, nhưng ông không để cho một ai mà nhất là cho ông, làm nên một công việc mà không làm cho chu đáo.

Sáng nào cũng vậy người ta thấy ông qua cổng viên đang lúc tám giờ mười phút và đi về phía tòa án, ở đó lão canh cổng người da đen cũng đã đến trước ông ông mười phút để mở cửa, rơm rớm như người làm việc lão đưa đến. Quan tòa vào buồng giấy và tên canh cổng ngồi xuống một chiếc ghế ở con đường hành lang lát gạch gan phòng giấy riêng của quan tòa và phòng tòa án; hẳn ngồi lấy suốt ngày và làm việc ngủ như vậy từ mười bảy năm nay. Thế rồi đến nửa giờ chiều, hẳn sự tỉnh, vào phòng giấy và lĩnh thư cũng để dành thư quan tòa ngồi sống đã lâu đủ để hiểu rằng mọi việc thường diễn ra rồi ở bộ óc của mấy nhà luận thuyết khó chịu vì chính họ không bao giờ có quyền lợi gì phải cân bằng với cả; thế rồi người ta lại bắt đầu vào vườn hoa thả lưới để tìm sâu bọ cách lặt vặt như trước, trở về nhà, tắm rửa và cao, dáng đi cũng đi đến nơi nơi chiếc áo *redingote*, cũng may ở một nửa ••• theo tâm thức quan tòa, thẳng từ vai xuống một vạch, như chiếc bình phong, không lượn theo đường sườn một chút nào.

Rồi một buổi chiều, hồi gần năm giờ, đột nhiên bao nhiêu người chạy qua vườn hoa ở cả tới tòa án. Kẻ khác thấy vậy cũng chạy theo, chân họ nhún nhún xuống mặt đường, giữa xe bò và xe ô tô; tiếng người hơi hơi hơi hải hải nhau: « Cái gì? Cái gì thế? » — Có tiếng đáp: « Quan tòa Dukinfield »; và người ta vẫn chạy kéo vào con đường hành lang lát gạch của tòa án với phòng qua tòa; người ta thấy lão canh cổng mặc chiếc *redingote* sơn rách đang vung tay lên giới; người ta bỏ mặc hai dây kéo ở cả vào buồng giấy. Đứng sau chiếc bàn, qua án ngồi, tựa vào lưng ghế, dáng thanh thản. Hai mắt ông mở trừng; ông đã chết vì một viên đạn xuyên qua sống mũi, đến nỗi tưởng như ông có ba mắt cùng trên một đường ngang. Ông đã bị bắn chết; thế mà hôm ấy ở công-viên không một ai nghe thấy tiếng động, cả lão canh cổng ngồi suốt ngày trên ghế ở hành lang nữa.

(Còn nữa)

NHƯ HIÀ dịch

Cải chính

— Trong số 67, trang 1, mục lục: Nguồn gốc và đặc-tính của Hiến-pháp Trung-hoa: Chủ-nghĩa « Nhân-tai bi » và quyền « Giám-sát ». Phan Anh xin đọc là Phan Anh.

— Cũng trong số ấy, trang 2, mục lục số 3 Jun: Tư-tưởng xã-hội học hiện-thời. Học-phái dĩ-dân. Phan Anh xin đọc là A. A. dịch.

Hộp thư

— Ô. Nguyễn Cấn — Bắc-Ninh: Ông cứ gửi, chúng tôi chỉ có thể giả vờ khi xem lại của ông.

— Ô. Hải An — Hải-phong: Những bài của ông gửi đăng vào Báo Khoa-Học thì có nhích hơn.

CÙNG CÁC BẠN ĐANG QUẢNG CÁO

Vì kỳ này nhiều bài nên T. H. phải rút bớt quảng cáo. Xin các bạn gửi đăng, cho đề đến kỳ sau.

Tin buồn

Thông tin được tin buồn Cụ Phan-mẫu bạn tôi được-thu vào táng về quê hương lên hương từ trước tại Mộ-Hạ-Bình.

Xin chân thành kính viếng Cụ và cảm động của bạn đồng bạn Đỗ-đức-Thu và tang quyến.

... canh phong ở làng Đông ngac

(Tiếp theo trang 6)

Lại vẫn cái ông bạn « ngụ cư » vui tính và sẵn lòng tin, đưa tôi lại chơi ông P. & D, trưởng đoàn Bảo An làng Đông Ngạc và lại vội vã đi ngay, sau một nhời gửi thiệp văn tất và hóm hỉnh.

Việc đầu tiên là ông D. cho tôi xem bản điều-lệ của Đoàn cùng danh sách ban Trị-sự và các đoàn-viên. Tôi đọc qua: danh-dự hội-trưởng, Ô. P. G. T. Tổng-đốc trị-sĩ, tiên-chủ trong hội - đồng hương chính; phó danh dự hội-trưởng Ô. H. h. T, tuần-phủ trị-sĩ thứ-chủ; đoàn-trưởng: Ô. P. t. D. Huân bán thu-ký... thu quý... cổ vấn... rồi đến tên kèm theo chữ ký các đoàn-viên là những thanh-niên trong làng, làm công chức, thương-gia hay học trò, tuổi từ 20 đến 30, 40.

Bản điều-lệ có những điều sau này quan-trọng, đại khái.

Mục đích. — Đặt dưới quyền bảo trợ của hội đồng hành-chính, Đoàn Bảo-An lập nên để giúp vào việc chống giữ trộm cướp, tạt dịch, hỏa hoạn, thủy潦 và giải tán cờ bạc.

Nhiệm vụ. — 1) Khi có trộm cướp: hiệp lực với lý dịch xướng xuất ban vũ dũng và tuần phiên đến nơi ứng cứu. Khi có hỏa hoạn cũng vậy.

2) Khi có tạt dịch: nhắc cho người chức dịch phải trình báo quan trên và giúp đỡ họ khi quân thầy thuốc về tiêm hay là phát thuốc, giữ vệ-sinh chung cho làng.

3) Trong mùa nức lúa, hiệp lực với chức dịch đề gin giữ đề điều và khi có nạn vỡ đê thì tổ chức việc cứu-tế.

4) Khi có người về trú ở làng thì một vài đoàn-viên phải đến tham hỏi.

5) Viên đoàn-trưởng giao-thiệp với hội-dồng hành chính.

Kỷ-luật. — Hội-dồng hành chính có quyền giải-tán Bảo-an-đoàn nếu xét rằng đoàn hoạt động trái với điều-lệ.

Bản điều-lệ không cho tôi biết thêm gì nữa. Tôi vội hỏi về việc thực hành: đoàn viên hằng ngày làm những việc gì, công việc có xếp đặt thành chương trình gì không và do ai cắt đặt, kiểm soát?

— Chúng tôi chỉ mới xếp đặt được về công việc tuần-phòng. Bốn mươi bảy đoàn-viên chia làm 6 đội, thuộc quyền một đội trưởng mỗi đội gồm những đoàn-viên ở cùng một xóm.

Sáu đội cắt lượt nhau mỗi đội mỗi đêm phải đi tuần, tức là đi coi và đốc thúc bọn tuần-phiên và vũ dũng. Đội nào đi tuần ít nhất là đi 4 người, giắt theo vài ba người tuần, mang khí giới, đèn bấc, qua các điểm ở ngõ xem tuần có thức canh và đi tuần chung quanh làng; mỗi đêm phải đi vòng quanh làng 2 lần vào khoảng từ 11 giờ đêm đến 3 giờ sáng.

Tôi rất vui vẻ được biết một việc thực hành rõ ràng và thiết thực. Và thêm khen sự can đảm của một số thanh-niên làng này, can-dảm nhận làm một công việc không lấy gì làm thú vị cho lắm là đi tuần đêm, làm việc đều đều đêm này sang đêm khác trong cả những đêm mưa dầm gió bắc!

— « Thế ngộ, tôi hỏi, ngộ một viên bảo an nào không chịu đi tuần thì có cách gì trừng phạt không? »

— Không.

— Nghĩa là không phải chuyện bắt buộc. Vì họ chỉ là những người tình nguyện làm việc... Vậy là cứ mỗi đêm, một đội đi tuần? Thế viên đội trưởng rủ những bạn đồng-sự bằng cách nào?

— Tối nào cũng có hội họp ở Đoàn-sở bắt đầu từ 9 giờ rồi đến 11 giờ, về phần việc đội nào, thì đội ấy bảo nhau đi.

— Nếu bận việc hoặc ốm đau không đi được thì có phải báo trước không?

— Không.

— Còn việc huấn luyện. Chắc các ngài có đặt chương trình luyện tập cho bảo-an-viên?

— Có, Trong Đoàn có một nhân viên biết võ Ô. T. C. T, em Ô. T. C. Q, được-sĩ ở Hamoi. Tối nào ai muốn học thì ra Đoàn sở, ông sẽ luyện cho các môn quyền, côn, kiếm. Chúng tôi rất chú ý đến thể-thao và thể-dục. Hiện đã lập một đội đá ban và làng đang dự định sửa sang một miếng đất làm sân vận động.

— Về những việc chữa cháy, đánh cướp, cứu người bị thương v. v..., các ngài có đặt những cuộc tập thử không ?

— Hiện chưa có.

— Trong những buổi hội họp ở Đoàn sở, ngoài những việc bàn về hành chính của ban trị-sự, các ngài có tổ chức những cuộc nói chuyện gì về một vấn đề chuyên môn thuộc các khoa vệ sinh, cứu thương, phòng thủ v. v. mà có liên lạc đến công việc bảo an của Đoàn ?

— Không. »

.

Kết-luận

Sơ với các làng khác, việc canh-phòng ở làng Vẽ xem ra có quy củ lắm. Tuần tráng và vũ-dũng là những cơ quan xưa nay vẫn có, sự hoạt động đã sẵn nền nếp. Để việc canh phòng được có hiệu lực hơn, người ta lập thêm một cơ quan mới: đoàn Bảo-An đáng để ta chú ý và bàn luận. Cuộc điều tra nhỏ trên cho ta nhận thấy ba điều :

a) Đoàn Bảo-An là một ủy ban của Hội-đồng hương chính lập ra để trông nom riêng việc canh phòng cho làng (theo điều lệ, nhiệm vụ của đoàn Bảo-An rộng rãi hơn, nhưng xét về thực-sự thì việc canh phòng trộm cướp là quan trọng nhất). Xưa kia, trông nom việc canh phòng và cầm đầu bọn tuần tráng là viên phó lý. Nhưng viên này còn bìn nhiều công việc khác nữa và có cần an-vấn đến đâu đi nữa một mình cũng không thể kiểm soát sự tuần tráng. Đoàn Bảo-An lập ra là thêm người làm việc thêm những người có tư-cách, có tri-lực để sự hoạt động về việc canh phòng được thông minh và dễ tiến công hơn, và để thói tục bọn tuần tráng phải làm việc tận lực. Vì có nhiều người nên có thể cắt lượt nhau để phòng thủ cho làng và kiểm sát bọn tuần tráng luôn luôn.

Sau nữa viên phó lý xưa kia điều khiển việc tuần phòng không hẳn là người của hội đồng cử ra hẳn làm việc dưới quyền sai bảo của chánh phó tổng và các quan bản hạt. Vì vậy hội đồng không kiểm sát được chặt chẽ công việc tuần phòng. Nay đoàn Bảo-An là do hội đồng lập ra và giao hẳn cho nhiệm vụ trông nom việc canh phòng. Đoàn có quyền sai phái bọn tuần tráng và vũ dũng mà lại hoạt động dưới quyền giám sát của Hội-đồng, tức như là Hội-đồng hương chính từ nay điều khiển trực tiếp công việc tuần phòng. Đó là một điều hay của cách tổ chức mới.

b) Điều hay thứ hai là đoàn Bảo-An gồm những con nhà «tai mặt» trong làng có tiền có thế lực mà lại có luyện tập võ nghệ, có khi giỏi, . . .

. . . nên thanh thà to, có thể làm nhụt rất nhiều «nhị-vệ-khi» của quân bất lương muốn dòm dò. c) Thanh thế ấy to. . . nhiều người. . . yên trí là sự yên ổn ở làng. Vẽ là một chuyện hiển nhiên không cần phải xét đoán gì nữa.

Chính ra sự thực hiện này còn nhỏ hẹp và chưa được đủ sức vi ng chũ vì ba nhữ sau đây :

1.) chương trình làm việc của bảo an viên hầy còn sơ sài. — Trước hết trong bốn nhiệm vụ định ở Điều lệ, (chống trộm cướp, phòng tập dịch, giữ đê điều, cứu hỏa hoạn) mới có việc tuần phòng là đang thực hành. Nhưng ngay trong việc này, chương trình hoạt động thiết thực cũng chưa đầy đủ. Cung vì vậy mà chính người làng cũng không hiểu rõ công việc của bảo-an-viên như lời đã nhận thấy. Ngoài việc cắt lượt nhau đi tuần đêm và kiểm sát bọn tuần tráng và vũ dũng, bảo-an-viên còn cần phải làm thêm nhiều việc như dò xét can cướp, hành-vi của những «tay chơi» trong làng và những vùng chung quanh, theo dõi những kẻ lữ khách ghé ban ngày vào làng (quân cường đạo thường có lối đi thăm dò đường đất trước), — dò xét và giải lán những đám bạc công khai và lén lút, nhỏ cũng như lớn (việc này eo định rõ trong Điều lệ nhưng chưa thấy làm) v. v....

Việc phòng giữ tập dịch cũng rất quan trọng vì lẽ dân quê phần đông sống rải rác và chưa hiểu vệ sinh chung là thế nào. Khuyến bảo họ, đặt điều-lệ vệ-sinh chung và kiểm sát hàng ngày, đó là một việc khó nhọc nhưng cũng cần như việc giữ trộm cướp (vì trung là quàn thù còn đáng sợ hơn vì chúng nó ăn cắp rất nhiều ngay bên cạnh mình mà không ai trông thay) nhất là trong lúc này mà số dân tụ hội đông quàn và thuốc men đắt đỏ. Về việc khuyến bảo vệ sinh cho dân binh dân, đoàn Bảo-An nếu hiệp lực với ban Truyền bá Vệ sinh và Tân y học của Tổng nội sinh viên, bảo an viên ; có đủ điều kiện thành một nhân viên đi thăm hỏi vệ-sinh ở nhà từng người (visiteurs d'hygiène à domicile — xem bài chương trình và phương pháp dạy khoa vệ sinh ở các làng đang ở T. N số 58)

Về sự chống mưu hại, thủy bạo và tập dịch tất nhiên là khi việc có xảy ra hay sắp đến thì mới có công việc. Nhưng có thể bàn định và xếp đặt trước chương trình hoạt động ; đó lại thuộc về phần chương trình huấn luyện.

2.) Chưa có một chương trình huấn luyện Người ta đã lập đại ban và những buổi tập võ-nghệ. Đó là một việc cần. Nhưng mới là sự huấn-luyện dự bị. Còn cả cái chương trình huấn luyện chính thức về nhiệm-vụ, cần phải tổ chức trong cả hai phần : lý thuyết và thực hành. Về tất cả các việc phòng ngừa hoặc trừ khử trộm cướp, tập dịch thủy bạo hỏa hoạn, cần phải nghiên cứu những nguyên-tắc, những phương pháp đúng đắn được và có hiệu lực

THANH-NGHI

TRONG SỐ RA NGÀY 10 JUIN 1944

- | | |
|---|-------------------|
| — Tinh thần tự lập | PHAN ANH |
| — Kết luận về cuộc tiến hóa của nền tư bản Âu-Tây. | VŨ VĂN HIỀN |
| — Quyền « giám sát » với tình hình quốc tế và tài chính Trung-hóa | PHAN ANH |
| — Xã-hội Việt-nam từ thế-kỷ thứ XVII | NGUYỄN TRỌNG PHẤN |
| — Dạ tụng (Tập văn trong văn học Trung quốc ngày nay — Lỗ Tấn). | VÔ TÂM dịch |
| — Trích thuật sách bác.. . . . | TRỌNG ĐỨC |
| — Khói thuốc lá (truyện ngắn — tiếp theo). | NHU PÁ dịch |
| — Đọc sách mới : Ly tao. | THẾ THUY |
| — Những bước đi ngang (Truyện dài — Tiếp theo). | ĐỖ ĐỨC THU |

cần phải sắp đặt sẵn chương trình làm việc. Mỗi bảo-an-viên phải am tường những nguyên tắc, những phương pháp, những chương trình ấy và được tập luôn luôn: tập chữa cháy, tập đánh cướp, tập cấp người bị thương v. v... mỗi người một việc cho rành mạch.

3) Sự tổ-chức chưa được chặt chẽ. — Xét ra trong đoàn chưa có một kỷ-luật. Đã là một đoàn thanh-niên làm việc và làm một việc có ảnh-hưởng trực tiếp đến đời sống của cả đoàn-thể (tức là làng) thì không thể làm việc theo lối « nghệ-sĩ » được: thích thì làm, chẳng làm cũng chẳng sao, như người ta làm việc thiện! Đã đành là những người nhận làm là tình nguyện cả. Nhưng họ cũng phải tình nguyện theo một kỷ-luật, một kỷ-luật do chính họ lập ra chứ không phải bị ai bắt theo (hội-đồng Hương-chính chẳng hạn) Phải lập một nội quy (Règlement intérieur). Sự trừng phạt tất nhiên chỉ thuộc về danh dự. Nhưng cũng đủ mạnh vì « thể diện » là một điều cần trong đời sống hương thôn. Tuy nhiên, kỷ luật không thể cấm người ta xin ra đoàn được! Muốn cho công cuộc được lâu bền, cần phải làm cho mọi người ham mê công việc. Công việc thì khó nhọc phiền phức mà không có tư lợi gì. Tự nó không thể làm ai ham mê được! Vậy cần phải gây một lý tưởng và một không khí làm việc. Cái tinh thần hoạt động và hy-sinh phải được nêu cao,

nhờ ở sự gặp gỡ, hội họp luôn luôn, gặp gỡ hội họp để làm việc và làm việc theo một chương trình có quy củ, như ở sự tổ chức bề mặt nữa: « Cái áo giúp vào làm thành đạo-sĩ », chuông trống gây thêm vẻ tôn nghiêm. Nếu tổ chức bảo an-đoàn như một toán quân nhỏ, có thủ-lĩnh, có đội-trưởng sẵn

quyền hành, do anh em bầu lên, có quần áo, mũ giầy kiểu riêng, có dấu hiệu, có tiếng hô, có bài hát, có nhạc khi và có đời sống đặc biệt (cắm lều, lửa trại, trò chơi v. v...) Nghĩa là nên tổ chức như một thanh-niên-đoàn ở các nước, hoặc như một đội Hương-đạo Đoàn Bảo-an làng Đ. N. đã có thực hành một vài điều cần con trong lối tổ chức ấy (dấu hiệu, mũ đoàn-trưởng, đội-trưởng). nhưng chưa đủ. Đã theo lối ấy thì phải làm đến nơi đến chốn. . .

Những điều khuyết điểm ở trên, nói ra là do tấm lòng thành thực của kẻ viết bài này, thành thực khen ngợi một sáng kiến hay, thành thực mến phục những vị thủ-xướng, và thành thực mong mỗi ở hiệu quả của một công cuộc mới mà trong đó người ta đặt nhiều hy-vọng « Vạn sự khởi đầu nan » Mà bước đầu đã qua rồi chúng tôi công lao của những bậc đàn anh ở làng này. Ta phải công nhận sự tổ-chức được một việc mới như thế ở một làng là một chuyện vô cùng khó khăn. Phải có bọn thanh-niên có tư cách, mà lại phải có những hương-trưởng có tư cách, mà bọn thanh-niên lại phải được lòng tin của hương trưởng, mà bọn hương trưởng lại phải « ăn ý » với nhau không chia đảng phái! Thế mà đoàn Bảo-An làng Đông Ngạc đã thành lập và có cơ sở. Đó là một điều đáng khen ngợi. Và ta tin rằng tổ chức ấy sẽ có hiệu quả tốt đẹp miễn là.
đừng sớm mất niềm nguyện về việc đã làm.

V. H.

Tác giả bài này xin trân trọng cảm ơn các bạn và các ngài ở làng Đ. N. đã giúp cho tài liệu. Nếu có điều thiếu sót hay sai lầm, là do sự vô ý. Mong được các ngài vui lòng tha thứ và chỉ bảo cho,

AUTORISÉ PAR ARRÊTÉ DU GOUVERNEUR GÉNÉRAL du 1er MAI 1939 N° 3089

Directeur gérant : VŨ BÌNH HỒE. — Fondateur : ĐOÀN KẾ THIÊN — Imp. spéciale du THANH-NGHI